TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT QUẢNG BÌNH

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Đường sắt Quảng Bình

Quảng Bình, tháng 10 năm 2015

- **ĐƠN VỊ CỔ PHẦN HÓA:**

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý đường sắt Quảng Bình

Trụ sở chính: Số 377 đường Trần Hưng Đạo, phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

Điện thoại: 052. 3838 913 Fax: 052. 3836 742

- **ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012, 2013:**

Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam

Trụ sở chính: Số 17, Lô 2 C, Khu Đô thị Trung Yên, Phố Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại: 04. 3783 2121 Fax: 04. 3783 2122

Website: www.cpavietnam.vn

- **ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2014:**

Công ty TNHH Tư vấn thuế, Kế toán và Kiểm toán AVINA-IAFC

Trụ sở chính: Phòng 12A03, D11, Tòa nhà SUNRISE, Trần Thái Tông, Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại: 04. 3795 0833 Fax: 04. 3795 0832

Website: www.avina-iafc.vn

- **ĐƠN VỊ XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP ĐỂ CỔ PHẦN HÓA:**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Trụ sở chính: Số 1 Lê Phụng Hiểu, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 04. 3824 1990 Fax: 04. 3825 3973

Website: www.aasc.com.vn

- **ĐƠN VỊ TƯ VẤN XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA:**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam (VietinBankSc)

Trụ sở chính: Số 306 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: 04. 3556 2876 Fax: 04. 3556 2874

Website: www.vietinbanksc.com.vn

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG BIỂU 4

DANH MỤC CÁC THUẬT NGỮ VIẾT TẮT 5

I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CÔNG TY 6

1. Khái quát về quá trình thành lập và phát triển của Công ty 6
2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty 9
3. Chủ sở hữu của Công ty 26
4. Danh sách công ty con và công ty liên kết, liên doanh của Công ty 26

II. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CỦA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT QUẢNG BÌNH TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP 26

1. Thực trạng về tài sản 26
2. Tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 03 năm trước khi cổ phần hóa 29
3. Thực trạng về lao động 43
4. Giá trị thực tế của doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (31/12/2014) 44
5. Những vấn đề cần tiếp tục xử lý 47

III. PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY 49

1. Cơ sở pháp lý 49
2. Sự cần thiết của việc cổ phần hóa 50
3. Mục tiêu cổ phần hóa 51
4. Tư cách pháp nhân của Công ty cổ phần 51
5. Hình thức cổ phần hóa 52
6. Tên gọi Công ty sau cổ phần hóa 52
7. Ngành nghề kinh doanh 52
8. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ 54
9. Loại cổ phần và phương thức phát hành 56

10. Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động trong Công ty 56
11. Cổ phần bán ưu đãi cho công đoàn 57
12. Cổ phần bán cho Nhà đầu tư chiến lược 57
13. Cổ phần bán đấu giá ra bên ngoài 58
14. Giá khởi điểm bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài 58
15. Phương án sử dụng lao động 63
16. Chi phí giải quyết chính sách lao động dôi dư và nguồn chi trả 65
17. Chi phí cổ phần hóa dự kiến 65
18. Kế hoạch hoàn vốn ngân sách nhà nước, kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa 66
19. Phương án tổ chức và quản lý điều hành Công ty cổ phần 67
20. Phương án sử dụng đất 71
21. Định hướng phát triển Công ty, dự án đầu tư sau cổ phần hóa 72
22. Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh 05 năm sau cổ phần hóa 76
23. Cổ phần hóa doanh nghiệp gắn với đăng ký giao dịch và niêm yết trên thị trường chứng khoán 83

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ 84

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN ĐƯỢC DUYỆT 84

VI. CÁC PHỤ LỤC KÈM THEO 85

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Danh mục tài sản của Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Bình tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp theo số liệu sổ sách sau xử lý tài chính 26

Bảng 2: Tình hình tài chính, công nợ tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp sau xử lý tài chính 28

Bảng 3: Kết quả kinh doanh giai đoạn 2012 – 30/06/2015 và một số chỉ tiêu dự kiến năm 2015 30

Bảng 4: Một số chỉ tiêu tài chính giai đoạn 2012 – 2014 32

Bảng 5: Cơ cấu doanh thu và thu nhập khác của Công ty giai đoạn 2012 – 30/06/2015 33

Bảng 6: Cơ cấu chi phí của Công ty giai đoạn 2012 – 30/06/2015 34

Bảng 7: Danh sách một số máy móc, thiết bị của Công ty 35

Bảng 8: Một số hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết 38

Bảng 9: Tình hình sử dụng đất đai 39

Bảng 10: Cơ cấu lao động 44

Bảng 11: Giá trị thực tế của doanh nghiệp để cổ phần hóa tại thời điểm ngày 31/12/2014 45

Bảng 12: Ngành nghề kinh doanh của Công ty cổ phần 52

Bảng 13: Cơ cấu vốn điều lệ dự kiến của Công ty sau khi cổ phần hóa 55

Bảng 14: Giá trị cổ phần theo phương pháp chiết khấu dòng cổ tức 62

Bảng 15: Kết quả tính toán giá cổ phần 63

Bảng 16: Phương án sử dụng lao động sau cổ phần hóa 63

Bảng 17: Chi phí cổ phần hóa dự kiến 66

Bảng 18: Kế hoạch hoàn vốn ngân sách Nhà nước và Kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa 66

Bảng 19: Phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa 71

Bảng 20: Một số chỉ tiêu kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 05 năm sau cổ phần hóa (2016 – 2020) 80

Bảng 21: Lịch trình triển khai hoàn tất công tác cổ phần hóa 84

DANH MỤC CÁC THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

- GTVT : Giao thông Vận tải
- Tổng công ty : Tổng công ty Đường sắt Việt Nam
- Công ty : Công ty TNHH Một thành viên Quản lý đường sắt Quảng Bình
- Ban chỉ đạo/BCĐ : Ban chỉ đạo cổ phần hóa
- HĐTV : Hội đồng thành viên
- TNHH : Trách nhiệm hữu hạn
- CTCP : Công ty cổ phần
- MTV : Một thành viên
- CBCNV : Cán bộ công nhân viên
- ĐKDN : Đăng ký doanh nghiệp
- CNQSDĐ : Chứng nhận quyền sử dụng đất
- BCTC : Báo cáo tài chính
- DT : Doanh thu
- DTT : Doanh thu thuần
- LN : Lợi nhuận
- LNST : Lợi nhuận sau thuế
- SXKD : Sản xuất kinh doanh
- QL : Quản lý
- TP : Thành phố
- DN : Doanh nghiệp
- CCDV : Cung cấp dịch vụ
- HĐKD : Hoạt động kinh doanh
- HĐLĐ : Hợp đồng lao động
- TS : Tài sản
- TSCĐ : Tài sản cố định
- TSLĐ : Tài sản lưu động
- KH : Kế hoạch
- QLĐS : Quản lý Đường sắt
- XDCT : Xây dựng công trình
- SXVL & XDTH : Sản xuất vật liệu và Xây dựng tổng hợp
- ATGTĐS : An toàn giao thông đường sắt
- ĐSVN : Đường sắt Việt Nam

I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CÔNG TY

1. Khái quát về quá trình thành lập và phát triển của Công ty

Thông tin chung về Công ty:

Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Bình là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, tiền thân là Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Bình được thành lập theo quyết định số 867/1998/QĐ/TCCB-LĐ ngày 17/4/1998 của Bộ Giao thông Vận tải.

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT QUẢNG BÌNH
- Tên bằng tiếng nước ngoài: QUANG BINH RAIL WAY MANAGEMENT CO., LTD
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 377 Trần Hưng Đạo, phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, Việt Nam
- Điện thoại: 052. 3838 913
- Fax: 052. 3836 742
- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 3100213455 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp lần đầu ngày 06 tháng 12 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 14 tháng 01 năm 2013
- Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận ĐKDN: 9.915.535.111 đồng.

Quá trình thành lập và phát triển của Công ty:

Một số mốc lịch sử quan trọng trong quá trình thành lập và phát triển của Công ty:

Tiền thân ban đầu của Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Đường sắt Quảng Bình là Xí nghiệp quản lý đường sắt Quảng Bình.

Ngày 23 tháng 11 năm 1981, Tổng Cục trưởng Tổng cục Đường sắt Việt Nam đã ban hành Quyết định số 454/LĐTL về việc thành lập Đoạn cầu đường Quảng Bình.

Ngày 17 tháng 04 năm 1998, Bộ Giao thông Vận tải có quyết định số 867/1998/QĐ/TCCB-LĐ về việc thành lập doanh nghiệp Nhà nước hoạt động công ích Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Bình.

Tháng 3 năm 2003 đơn vị chính thức đổi tên thành Công ty Quản lý Đường sắt Quảng Bình theo quyết định số 734/2003/QĐ-BGTVT ngày 20/3/2003 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải.

Ngày 29 tháng 6 năm 2010, Hội đồng quản trị Tổng công ty Đường sắt Việt Nam có quyết định số: 710/QĐĐS chuyển Công ty Quản lý Đường sắt Quảng Bình thành Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quản lý Đường sắt Quảng Bình.

Hiện tại, Công ty TNHH Một thành viên Quản lý đường sắt Quảng Bình hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 3100213455 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp lần đầu ngày ngày 06 tháng 12 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 14 tháng 01 năm 2013. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là Quản lý, khai thác, bảo trì, sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt; Xây dựng, lắp đặt thiết bị các công trình Giao thông đường sắt, đường bộ, thủy lợi …

- **Ngành nghề kinh doanh:**

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 3100213455 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 14/01/2013, Ngành, nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt. Chi tiết: Quản lý, duy tu sửa chữa theo từng cấp kỹ thuật hệ thống cầu đường đảm bảo an ninh cho tàu chạy thông suốt trong mọi tình huống; Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn và tai nạn giao thông đường sắt; dịch vụ vận chuyển;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết:Xây dựng, lắp đặt các công trình đường sắt và đường bộ;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng sửa chữa các công trình giao thông, thủy lợi, công trình thông tin, viễn thông, tín hiệu giao thông; các công trình kỹ thuật dân dụng khác;

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: Chuẩn bị mặt bằng;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây dựng, sửa chữa các công trình xây dựng dân dụng;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị. Chi tiết: Sửa chữa các loại phụ kiện, máy móc, thiết bị thi công công trình;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao. Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng, kết cấu bê tông cốt thép và kết cấu thép chuyên ngành;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất các loại phụ kiện, máy móc, thiết bị thi công công trình;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Mua bán bất động sản; Cho thuê văn phòng, cửa hàng, kho bãi;
- Khách sạn. Chi tiết: Kinh doanh khách sạn;
- Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh nhà nghỉ;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng ăn uống, giải khát;
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao). Chi tiết: Kinh doanh massage, vật lý trị liệu (Khi có đủ điều kiện và cho phép của cơ quan chức năng);
- Điều hành tua du lịch. Chi tiết: Kinh doanh du lịch lữ hành;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Kinh doanh đồ lưu niệm, hoá mỹ phẩm, văn hoá phẩm, dịch vụ thể thao, dịch vụ viễn thông: mua bán sim card...;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Tư vấn quản lý dự án xây dựng, giám sát các công trình giao thông cầu đường;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê phương tiện vận chuyển;

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Dịch vụ mua bán vé tàu, ô tô. Trông giữ xe ô tô, xe máy;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không. Chi tiết: Dịch vụ mua bán vé máy bay;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất bảo hộ lao động và công cụ, dụng cụ phục vụ cho sản xuất.

Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu:

Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu của Công ty bao gồm:

- Quản lý, khai thác, bảo trì, sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia;
- Tư vấn lập dự án đầu tư, thẩm định báo cáo đầu tư, khảo sát thiết kế, thẩm định giá, giám sát các công trình giao thông, dân dụng;
- Xây dựng, lắp đặt thiết bị các công trình về: Giao thông đường sắt, đường bộ, thủy lợi, dân dụng, công nghiệp, đường dây truyền tải điện và trạm biến áp;
- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, thiết bị, phụ kiện, kết cấu thép và bê tông chuyên ngành giao thông đường sắt; trang thiết bị dụng cụ lao động, bảo hộ lao động.

2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty

Mô hình quản lý:

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Đường sắt Quảng Bình là doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước do Tổng công ty Đường sắt Việt Nam làm chủ sở hữu. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, có tư cách pháp nhân, hoạt động sản xuất kinh doanh theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn trên cơ sở Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty cùng các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

Cơ cấu tổ chức và bố trí nhân sự:

SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY

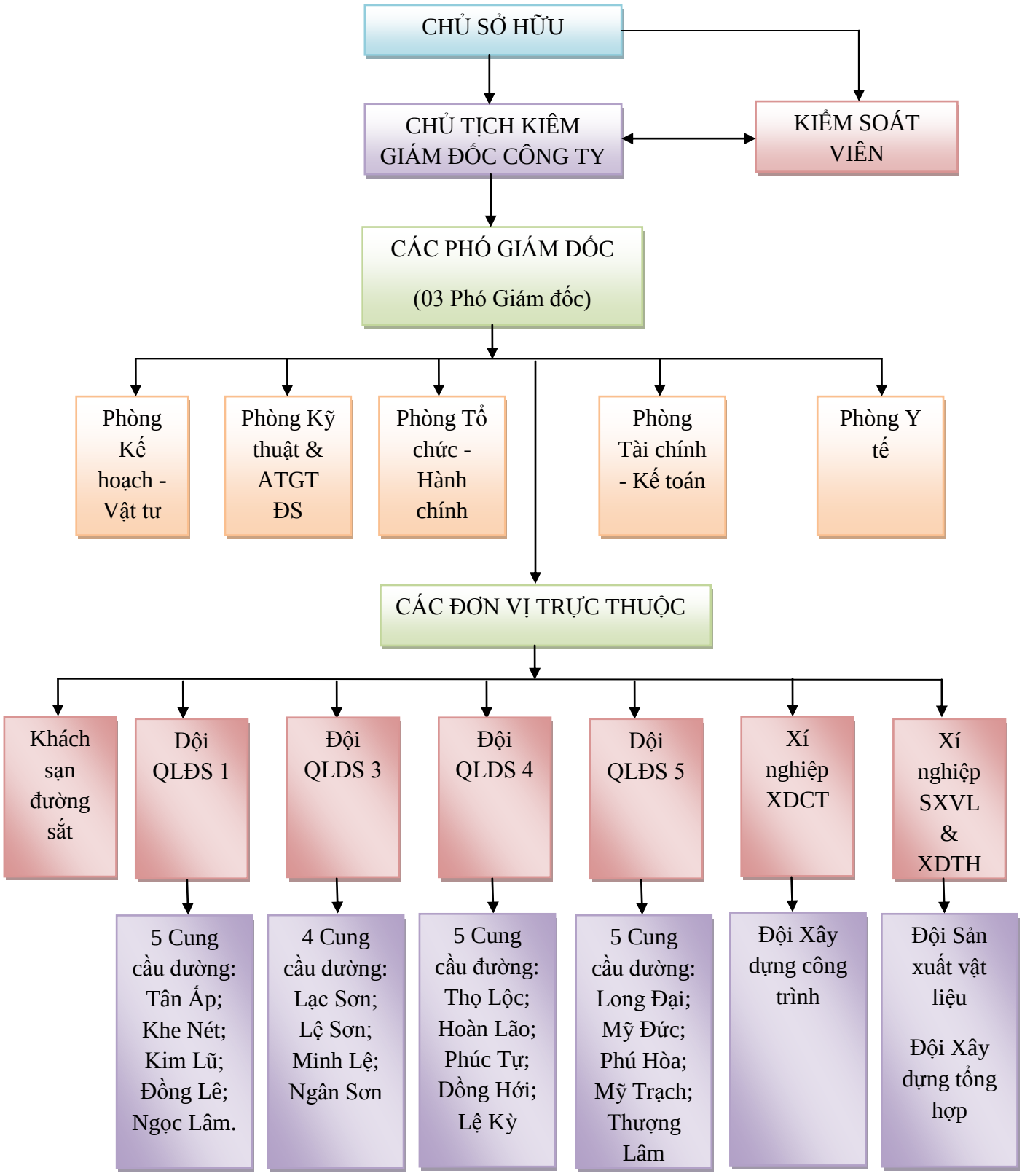

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Bình)

- Cơ cấu bộ máy tổ chức quản lý, giám sát, điều hành của Công ty theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, gồm: Hội đồng thành viên; Kiểm soát viên; Giám đốc, các Phó Giám đốc, Phụ trách kế toán và Bộ máy giúp việc.
- Tại thời điểm xây dựng phương án cổ phần hóa, Tổ chức bộ máy và biên chế của Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Đường sắt Quảng Bình là: 696 người. Bố trí nhân sự và chức năng của các phòng ban, bộ phận của Công ty như sau:

➢ **Chủ tịch Công ty:** Chủ tịch Công ty đồng thời là Giám đốc Công ty

➢ **Ban điều hành:** 05 người (01 Giám đốc, 03 Phó Giám đốc, 01 Kế toán trưởng)

➢ **Kiểm soát viên:** 01 người

➢ **Các phòng, ban chức năng:**

▪ **Phòng Tổ chức – Hành chính**: Gồm 17 người. Chức năng, nhiệm vụ như sau:

- **Chức năng:**

o Tham mưu cho Giám đốc xây dựng bộ máy quản lý và lực lượng lao động của Công ty.

o Tham mưu lãnh đạo soạn thảo các văn bản quy chế.

o Tham mưu cho lãnh đạo thực hiện mọi chính sách của Đảng đối với người lao động.

o Tham mưu và thực hiện nhiệm vụ đối nội, đối ngoại, quan hệ đón tiếp giao dịch phục vụ SXKD của Công ty.

o Tham mưu và tổ chức thực hiện việc quản lý và sử dụng nhà ở, điện nước; mua sắm, trang cấp đồ dùng phục vụ sinh hoạt, văn phòng phẩm cho các đơn vị, phòng ban.

o Tham mưu cho lãnh đạo xử lý văn bản, theo dõi việc thực hiện văn bản tạo điều kiện cho công tác lãnh chỉ đạo SXKD đạt hiệu quả cao.

o Phục vụ, in ấn, photo copy, đóng dấu tài liệu, văn bản. Chuẩn bị mọi cơ sở vật chất phục vụ Hội nghị, Hội thảo theo yêu cầu.

- **Nhiệm vụ:**
  - Tham mưu việc tạo nguồn đề bạt, bổ nhiệm đội ngũ cán bộ, hợp đồng tiếp nhận lực lượng lao động mới. Đào tạo nghiệp vụ, đào tạo lại, xây dựng đơn giá tiền lương, định mức lao động, bảo hộ lao động, phòng chống cháy nổ, cấp phát bảo hộ lao động. Khen thưởng kỷ luật thi nâng bậc thợ, nâng lương gián tiếp, giải quyết các chế độ chính sách bảo hiểm xã hội cho người lao động.
  - Tổng hợp toàn diện và báo cáo kịp thời kết quả nhiệm vụ SXKD đời sống xã hội lên cấp trên kịp thời đầy đủ. Tổ chức tốt phong trào thi đua sâu rộng trong công nhân viên chức thực hiện thắng lợi nhiệm vụ của toàn Công ty.
  - Dự thảo các văn bản về nội nghiệp, văn thư lưu trữ. Tổ chức theo dõi, đôn đốc các đơn vị trực thuộc Công ty làm tốt các nội dung công tác nêu trên.
  - Tổ chức tiếp nhận vào sổ các loại giấy tờ, tài liệu công văn đi, đến, trình duyệt và phân phối chuyển giao kịp thời nhanh chóng, chính xác bảo đảm phát huy hiệu lực của văn bản.
  - Thừa ủy nhiệm của Giám đốc tổ chức đón tiếp khách trong và ngoài ngành đến liên hệ giao dịch công tác tại Công ty và thực hiện tốt nhiệm vụ nội chính.
  - Quản lý cấp phát sử dụng các loại giấy tờ cho CBCNV Công ty dùng đi quan hệ giao dịch. Quản lý, cấp phát, sử dụng giấy đi tàu việc riêng theo đúng chế độ hiện hành, quản lý sử dụng con dấu của Công ty theo đúng quy định của Nhà nước.
  - Tổ chức quản lý việc sử dụng nhà ở, nhà làm việc, điện nước thuộc phạm vi toàn Công ty, trên nguyên tắc lấy thu bù chi, không bao cấp về việc sử dụng nhà ở, điện nước và tham mưu biện pháp sửa chữa.
  - Đánh máy, in ấn, photo copy các văn bản, tài liệu của Công ty theo thứ tự ưu tiên nhằm phục vụ tốt cho sản xuất và chịu trách nhiệm soát xét lại các văn bản trước khi bàn giao cho bộ phận soạn thảo để trình Giám đốc ký.

- Thực hiện công tác lưu trữ hồ sơ theo đúng quy định của công tác văn thư lưu trữ.
- Bảo quản và phát huy có hiệu quả cơ sở vật chất, nâng cao hiệu suất sử dụng các trang thiết bị làm việc hiện có.
- Đổi mới quy trình tập hợp và xử lý thông tin đi đến, giúp cho lãnh đạo nắm bắt nhanh và có hệ thống tình hình SXKD của Công ty.
- Tổ chức tốt công tác phục vụ, tham mưu cho Giám đốc xây dựng cơ quan đơn vị chính quy văn hóa an toàn, đẩy mạnh các hoạt động văn hóa thể thao, phối hợp chăm lo sức khỏe cho CBCNV.
- Quản lý điều hành xe con khi có cán bộ Công ty đi công tác hoặc giải quyết công việc đột xuất khi có lệnh của Giám đốc Công ty.
- Quản lý, theo dõi việc chấp hành thời gian lao động, chấp hành các quy định về lễ tiết tác phong của CBCNV khối cơ quan Công ty.

▪ **Phòng Tài chính – Kế toán:** Gồm 4 người. Chức năng, nhiệm vụ như sau:

- **Chức năng:**
  - Tham mưu, giúp Giám đốc Công ty quản lý về công tác Tài chính, kế toán theo quy định tại Điều lệ Tổ chức và hoạt động, quy chế tài chính của Tổng công ty, luật kế toán, luật ngân sách và các quy định khác về công tác tài chính, kế toán của Nhà nước - Hướng dẫn, kiểm tra việc thanh toán các chế độ chính sách cho CBCNV theo quyết định của Nhà nước.
  - Kiểm tra, giám sát việc mua sắm nguyên, nhiên, vật liệu, việc mua sắm TSCĐ, công cụ dụng cụ, phục vụ tốt cho sản xuất, an toàn lao động, an toàn chạy tàu…
- **Nhiệm vụ:**
  - Tham gia xây dựng kế hoạch quản lý, sửa chữa cơ sở hạ tầng đường sắt, dự toán thu chi tài chính của Công ty.
  - Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, tổ chức thực hiện việc thanh toán thu hồi các nguồn vốn sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như việc thanh toán công nợ, điều hoà vốn, quản lý các nguồn vốn, các quỹ theo quy định của Nhà nước và của Tổng công ty.

- Tổ chức hạch toán, theo dõi và thống kê kế toán trong Công ty. Thẩm định báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên trên cơ sở đó lập báo cáo chung của Công ty.
- Phân tích hoạt động kinh tế nhằm đánh giá đúng đắn thực trạng về hoạt động, kết quả, hiệu quả và khả năng sinh lời của quá trình sản xuất kinh doanh. Phát hiện những lãng phí, những việc làm kém hiệu quả ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh để đề xuất các giải pháp khắc phục. Đề xuất các biện pháp quản lý, bảo toàn, phát triển vốn. Nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, hiệu quả sử dụngvốn và các nguồn lực khác, hiệu quả hoạt động tài chính, hiệu quả các dự án đầu tư và các lĩnh vực khác liên quan của Công ty.
- Căn cứ báo cáo tài chính hàng năm đã được Liên Bộ tài chính phê duyệt để tham mưu cho Giám đốc công khai một số chỉ tiêu tài chính trước đại hội công nhân viên chức của Công ty.
- Cung cấp tài liệu, số liệu kế toán cho cấp trên và các bộ phận liên quan.

- **Phòng Phòng Kế hoạch - Vật tư:** Gồm 11 người. Chức năng, nhiệm vụ như sau:

- **Chức năng:**
  - Xây dựng chiến lược SXKD, quy hoạch phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh và các lĩnh vực khác liên quan của Công ty; Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch thuộc lĩnh vực kế hoạch sản xuất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
  - Mua sắm, xuất nhập, bão quản, cấp phát, thu hồi, thanh lý vật tư, vật liệu, nhiên liệu, phương tiện, trang bị, thiết bị, dụng cụ sản xuất và các tài sản khác phục vụ cho công tác sản xuất của công ty theo đúng các quy định hiện hành.

- **Nhiệm vụ:**

  + **Bộ phận kế hoạch:**

  - Tham mưu cho Giám đốc Công ty lựa chọn, cân đối, tổng hợp và quản lý kế hoạch sản xuất kỹ thuật tài chính, kế hoạch xây dựng cơ bản, sửa chữa lớn, sửa chữa khẩn cấp đảm bảo an toàn chạy tàu và kế hoạch sản xuất phụ trong toàn Công ty, đồng thời tham mưu cho Giám đốc biện pháp chỉ đạo và thực hiện các kế hoạch đó.
  - Tham mưu cho Giám đốc duyệt và giao kế hoạch sản xuất kỹ thuật tài chính bao gồm: Kế hoạch sửa chữa thường xuyên cơ sở hạ tầng, kế hoạch xây dựng cơ bản cho các Đội, Cung cầu đường cho các Xí nghiệp sản xuất thuộc Công ty.
  - Nắm vững đường lối, chủ trương, chính sách, chế độ kinh tế của nhà nước, của Bộ GTVT và của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam trong từng thời kỳ để áp dụng vào công tác nghiệp vụ kế hoạch thống nhất trong toàn Công ty.
  - Tổ chức việc lập kế hoạch sản lượng, cân đối các kế hoạch lao động, vật tư, tiền lương để lập ra kế hoạch tài chính Tháng, Quý, Năm sát thực tế của Công ty sau khi được Giám đốc và cấp trên phê duyệt thì tổ chức phổ biến và hướng dẫn đến các phòng nghiệp vụ, các đơn vị để thực hiện kế hoạch đó.
  - Tổ chức theo dõi và nắm vững tình hình thực hiện kế hoạch Tháng, Quý, Năm của các đơn vị sản xuất và quá trình thực hiện phải đề ra được các biện pháp cần thiết cho việc hoàn thành kế hoạch một cách toàn diện, quay nhanh và thu hồi nguồn vốn, đầu tư có trọng điểm, có chiều sâu, mang lại hiệu quả kinh tế cao.
  - Tham mưu cho Giám đốc cải tiến các phương pháp lập kế hoạch, quản lý kế hoạch và tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ kế hoạch.
  - Tham mưu trực tiếp cho Giám đốc ký kết các hợp đồng kinh tế với các đơn vị trong ngành và với các đơn vị kinh tế khác có sự thống nhất của phòng Tài chính – Kế toán. Tổng hợp và theo dõi việc thực hiện hợp đồng và tham mưu để Giám đốc giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực hiện hợp đồng đã ký.

- Theo dõi, đôn đốc các Đội, các Cung cầu đường và các Xí nghiệp sản xuất thực hiện hoàn thành kế hoạch được giao đúng tiến độ, chất lượng đạt loại tốt.
- Quản lý, điều hành phương tiện vận tải: xe Ô tô tải, xe Ô tô ray công vụ (đầu xe sống), và công nhân sử dụng phương tiện vận tải phục vụ kịp thời, hợp lý cho kế hoạch sản xuất của Công ty. Ngoài thời gian vận hành phương tiện và bảo dưỡng, thời gian còn lại công nhân sử dụng phương tiện vận tải phải tham gia trực tiếp sản xuất.

+ **Bộ phận vật tư:**

- Tổ chức mua sắm, cấp phát vật tư, thiết bị phục vụ kịp thời cho sản xuất.
- Thực hiện tốt công tác quản lý, bảo quản, bảo dưỡng, theo dõi các loại vật tư vật liệu, thiết bị nhập và xuất kho cho các đơn vị đưa vào công trình phục vụ sản xuất, vật tư thu hồi thay ra từ các công trình để gia công, tái chế lại đưa vào phục vụ sản xuất tiết kiệm chi phí giảm giá thành theo đúng các quy định hiện hành của công ty và của ngành.
- Tham mưu cho Giám đốc và Hội đồng thanh lý Công ty về công tác thanh lý các loại vật tư, vật liệu, phương tiện, trang bị, thiết bị dụng cụ sản xuất và các tài sản khác theo đúng các quy định hiện hành.
- Làm tốt công tác thống kê vật tư để tham mưu cho Giám đốc chi đạo kịp thời trong sản xuất, tránh để vật tư ứ đọng tồn kho. Thực hiện chế độ thu cũ đổi mới đối với những loại vật tư cần thiết- chấp hành nghiêm chỉnh công tác báo cáo, quyết toán vật tư theo đúng quy định của Nhà nước của ngành.
- Có trách nhiệm quản lý các thiết bị, dụng cụ được cấp cho phòng để làm việc.

- **Phòng Kỹ thuật & An toàn giao thông Đường sắt:** Gồm 10 người. Chức năng, nhiệm vụ như sau:
  - Tham mưu giúp việc cho Giám đốc trong công tác quản lý kỹ thuật;

- Tham mưu cho lãnh đạo công ty trong lĩnh vực đầu tư nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, an toàn chạy tàu, quản lý hành lang ATGTĐS và quản lý chất lượng;
- Thực hiện công tác kiểm tra, áp máy, giám sát chỉ đạo thi công, nghiệm thu công trình;
- Thực hiện công tác tư vấn, thiết kế, dự toán, hoàn công các công trình trong và ngoài ngành do Công ty thực hiện;
- Tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị thực hiện theo phân cấp quản lý công tác kỹ thuật: Tham gia Hội đồng khoa học kỹ thuật, chọn chủ nhiệm công trình, xây dựng phương án kỹ thuật, phương án thi công, tổ chức, quản lý thi công, lập báo cáo kỹ thuật, kiểm tra quản lý chất lượng các báo cáo kỹ thuật, quản lý và lưu trữ tài liệu kỹ thuật.Trực tiếp chỉ đạo sản xuất ở các công trình trọng điểm theo phân cấp và tại các công trình do Công ty thi công;
- Chuẩn bị nội dung cho các cuộc họp Hội đồng khoa học kỹ thuật Công ty và xây dựng kế hoạch để thực hiện các kết luận của Hội đồng khoa học kỹ thuật;
- Tổng kết công tác phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới trong sản xuất;
- Quản lý tiêu chuẩn kỹ thuật đúng quy định của ngành đường sắt, hướng dẫn, kiểm tra việc tuân thủ tiêu chuẩn quản lý chất lượng;
- Quan hệ với các tổ chức khảo sát chuyên ngành trong và ngoài ngành để mở rộng thị trường, trao đổi kinh nghiệm và hợp tác trong công tác khoa học kỹ thuật, đổi mới công nghệ;
- Trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty, Phòng Kỹ thuật xây dựng kế hoạch, biện pháp tổ chức thực hiện công tác kỹ thuật, đảm bảo đường lối kỹ thuật thống nhất trong toàn Công ty nhằm nâng cao chất lượng công trình;
- Xây dựng phương án thi công, phòng chống bão lũ, quản lý chất lượng, quản lý hồ sơ liên quan đến công trình kết cấu hạ tầng đường sắt;

- Chủ trì các công việc có liên quan đến nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến hợp thức hóa sản xuất và chuyển giao công nghệ của Công ty;
- Quản lý công tác nghiên cứu khoa học, ứng dụng khoa học kỹ thuật và các giải pháp công nghệ trong sản xuất kinh doanh, công tác đổi mới công nghệ;
- Tham gia công tác đào tạo chuyển giao công nghệ, tổ chức hội thảo chuyên đề về nghiên cứu khoa học chuyên ngành, phổ biến áp dụng công nghệ vào sản xuất kinh doanh;
- Tổ chức nghiên cứu khoa học về chuyên ngành của Công ty để tạo năng lực cạnh tranh trên thị trường;
- Sơ tổng kết hàng năm về công tác kỹ thuật, công tác phòng chống bão lũ, công tác an toàn, tổ chức, hướng dẫn cho đội ngũ cán bộ kỹ thuật, công nhân học tập kỹ thuật mới, không ngừng nâng cao trình độ kỹ thuật, ngoại ngữ, công nghệ thông tin cho cán bộ khoa học kỹ thuật

▪ **Phòng Y tế:** Gồm 3 người thực hiện chức năng, nhiệm vụ sau:

- **Chức năng:**
  - Chăm sóc sức khoẻ cho CBCNV toàn Công ty.
  - Thực hiện các biện pháp giữ gìn vệ sinh trong sản xuất, sinh hoạt, vệ sinh môi trường trong toàn Công ty và các đơn vị Đường sắt dọc tuyến.
  - Tham mưu cho Ban Giám đốc Công ty về tổ chức thực hiện về công tác chăm sóc sức khoẻ, vệ sinh phòng bệnh phòng chống dịch và các hoạt động y tế khác cho CBCNV trong Công ty.
- **Nhiệm vụ:**
  - Lập kế hoạch về các mặt hoạt động y tế, tham gia lập kế hoạch chi phí về lĩnh vực y tế, kế hoạch đầu tư mua sắm thuốc, trang thiết bị y tế. Kế hoạch phòng chống dịch và các kế hoạch khác liên quan để Ban Giám đốc quyết định, chỉ đạo, kiểm tra hướng dẫn và tổ chức thực hiện kế hoạch được duyệt.

- Tổ chức huấn luyện cho người lao động về cách sơ cấp cứu và tổ chức tốt việc thường trực để cấp cứu kịp thời các trường hợp tai nạn lao động, ốm đau đột xuất.
- Tổ chức khám chữa bệnh quỹ Bảo hiểm y tế và chữa bệnh thông thường cho CBCNV trong Công ty. Giới thiệu người đi khám đúng chuyên khoa, lên trên..., xác nhận ngày nghỉ ốm, thai sản cho người lao động theo quy định của Nhà nước và của Tổng Công ty.
- Tham gia chỉ đạo, hướng dẫn và thực hiện sơ cấp cứu hành khách đi tàu khi có yêu cầu và khi có tai nạn giao thông đường sắt xẩy ra trong khu vực.
- Phối hợp chặt chẽ với trung tâm y tế dự phòng đường sắt để thực hiện khám phát hiện và quản lý bệnh nghề nghiệp, quản lý môi trường lao động, quản lý hồ sơ vệ sinh lao động của Công ty, khám quản lý sức khoẻ các chức danh có liên quan trực tiếp để an toàn chạy tàu.
- Phối hợp chặt chẽ với trung y tế dự phòng đường sắt và các tổ chức y tế trong khu vực (y tế địa phương, y tế GTVT) để làm tốt công tác phòng chống dịch bệnh, kiểm tra giám sát bảo vệ môi trường, An toàn thực phẩm.
- Tổ chức sơ cấp cứu tai nạn, ốm đau đột xuất, thực hiện công tác bảo vệ sản xuất lao động nữ, công tác dân số kế hoạch hoá gia đình, quản lý thai sản tổ chức thực hiện khám sức khoẻ định kỳ và quản lý sản xuất đối với CBCVB của Công ty.
- Xây dựng tủ thuốc theo quy định, mua sắm bảo quản thuốc, trang thiết bị y tế, hướng dẫn cho CBCNV. Sử dụng thuốc an toàn hợp lý, kết hợp ứng dụng y học cổ truyền trong phòng và chữa bệnh.
- Bồi dưỡng kiến thức và chỉ đạo hoạt động chuyên môn y tế cho đội ngũ an toàn vệ sinh viên của Công ty.
- Tham gia điều tra các vụ tai nạn lao động trong Công ty và thực hiện các thủ tục để giám định thương tật cho người lao động bị tai nạn lao động, bị bệnh nghề nghiệp.

- Theo dõi, hướng dẫn việc tổ chức thực hiện chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật (cơ cấu, định lượng hiện vật, cách tổ chức) cho những người làm việc trong điều kiện lao động có hại đến sức khoẻ.
- Thực hiện việc thống kê, báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao cho cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp, trung tâm y tế Dự phòng đường sắt và các cơ quan quản lý Nhà nước về lĩnh vực y tế theo quy định của Nhà nước và của Tổng công ty.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác thuộc lĩnh vực y tế do Giám đốc giao theo dự chỉ đạo của cơ quan y tế cấp trên.

➢ **Các đơn vị trực thuộc:**

▪ **Khách sạn đường sắt**: Gồm 13 người, thực hiện các chức năng, nhiệm vụ sau:

- **Chức năng:**
  - Kinh doanh các dịch vụ: ngủ, nghỉ phục hồi chức năng, ăn uống, giải khát và các dịch vụ du lịch khác theo kế hoạch và quy định của Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Bình, trên cơ sở tuân thủ các chế độ, chính sách, pháp luật của Nhà Nước.

- **Nhiệm vụ:**
  - Tổ chức chỉ đạo công tác sản xuất, kinh doanh hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch doanh thu hàng năm do Công ty giao.
  - Làm tốt công tác phục vụ khách ăn, nghỉ. Thu nộp tài chính đầy đủ theo quy định.
  - Chủ động trong công tác maketing, tìm kiếm mở rộng thị trường. Dựa trên cơ sở kết quả kinh doanh kỳ trước cùng với tiên lượng số khách hàng truyền thống để lên kế hoạch kinh doanh hàng quý, hàng năm trình Giám đốc Công ty.
  - Lập kế hoạch đề xuất với Giám đốc và phòng Tổ chức – Hành chính Công ty để đào tạo và đào tạo lại đội ngũ CBCNV, nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chất lượng phục vụ khách hàng.
  - Thúc đẩy xây dựng các phong trào thi đua, đưa hoạt động của đoàn thể vào nề nếp, nhằm xây dựng phát triển đều về mọi mặt.

- Tham gia giữ gìn an ninh trật tự, làm tốt công tác vệ sinh môi trường.

▪ **Các đội QLĐS:**

- **Chức năng:**

- Đội Quản lý đường sắt là cấp quản lý trực tiếp giúp Công ty thực hiện các nhiệm vụ được Tổng công ty giao, cụ thể:
  - Quản lý bảo trì, sửa chữa tài sản kết cấu hạ tầng Đường sắt như: Cầu, cống, hầm, đường, nhà ....
  - Quản lý đất đai, nhà cửa, trụ sở làm việc của đội, cung, các trạm tuần gác thuộc phạm vi quản lý.
- Tham mưu cho Giám đốc Công ty, các phòng nghiệp vụ lập kế hoạch tác nghiệp kỹ thuật công tác sửa chữa bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt, đảm bảo an toàn chạy tàu...
- Lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát các đơn vị (các cung cầu đường) trong phạm vi quản lý thực hiện các nhiệm vụ Giám đốc giao về kế hoạch sản xuất, công tác bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt, công tác đảm bảo an toàn các mặt đúng nguyên tắc, đúng quy trình và các quy chế, quy định hiện hành của Công ty.
- Quan hệ với địa phương và các đơn vị liên quan để làm tốt công tác quản lý, bảo vệ đường sắt, giữ gìn trật tự trị an nơi đơn vị đóng quân, phòng chống lụt bão và cứu chữa tai nạn đường sắt khi cần thiết trong phạm vi quản lý.
- Đội có con dấu riêng và quản lý theo quy định của Nhà nước.

- **Nhiệm vụ:**

- Nắm chắc trạng thái chất lượng cầu, đường, hầm trong phạm vi quản lý.
- Căn cứ vào hiện trạng kỹ thuật cầu đường trong phạm vi quản lý để tổ chức điều tra khối lượng (nhân công, vật tư) và phối hợp với các phòng nghiệp vụ, các bộ phận liên quan tham mưu cho Giám đốc Công ty lập kế hoạch tác nghiệp kỹ thuật công tác bảo trì, sửa chữa kết cấu hạ tầng đường sắt đảm bảo an toàn chạy tàu hàng tháng, quý, năm...

- Căn cứ vào kế hoạch sản xuất Công ty giao và tình hình thực tế của đơn vị (về nhân lực lao động, vật tư, thiết bị), điều kiện thời tiết... để xây dựng kế hoạch sản xuất và tổ chức lãnh đạo, chỉ đạo các đơn vị thực hiện kế hoạch sản xuất đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng công trình sản phẩm, an toàn chạy tàu, an toàn lao động, an toàn cháy nổ; đảm bảo thu nhập hài hòa giữa công nhân các hệ và các đơn vị trong phạm vi quản lý.
- Tổ chức kiểm tra thường xuyên theo định kỳ và kiểm tra đột xuất trạng thái kết cấu cơ sở hạ tầng đường sắt, các bộ phận làm nhiệm vụ tuần gác. Khi kiểm tra phải có biên bản kiểm tra hoặc ý kiến vào các sổ nghiệp vụ.
- Cập nhật số liệu quản lý trạng thái cầu, đường, hàng năm. Bổ sung hồ sơ những thay đổi trạng thái trong quá trình quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt.
- Lãnh đạo, chỉ đạo các đơn vị trong phạm vi quản lý thực hiện các nhiệm vụ:
    + Quản lý tốt vật tư, tài sản: Vật tư, vật liệu (vật tư đưa vào công trình, vật tư dự phòng, vật tư thu hồi trên tuyến), máy móc, thiết bị, các dụng cụ, trang thiết bị phục vụ cho sản xuất, đời sống do Công ty cấp hoặc tự mua sắm. Làm tốt công tác bảo quản để không ngừng nâng cao hiệu quả, kéo dài thời gian sử dụng. Trong quá trình sử dụng nếu để hư hỏng do chủ quan thì phải chịu trách nhiệm bồi thường.
    + Quản lý, sử dụng lao động, tổ chức chấm công, bình điểm hàng ngày để trả lương cho người lao động theo đúng quy định đảm bảo tính dân chủ, công bằng, công khai minh bạch theo định hướng chung là: Khuyến khích tăng năng suất lao động, thực hiện nguyên tắc trả lương theo kết quả lao động, người làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít, không làm không hưởng.
- Tổ chức nghiệm thu các công trình, sản phẩm do các đơn vị trong phạm vi quản lý thực hiện hàng tháng (bao gồm cả hệ tuần gác), đồng

thời hoàn thiện các thủ tục, chứng từ liên quan để thanh toán với Công ty đúng quy định.

- Chủ động phối hợp với chính quyền địa phương cấp huyện (thành phố), xã (phường) để làm tốt công tác bảo vệ đường sắt, tuyên truyền vận động chống lấn chiếm, giải toả lấn chiếm và các hành vi vi phạm công trình, hành lang an toàn giao thông đường sắt.
- Báo cáo kịp thời Giám đốc Công ty và các đơn vị, bộ phận liên quan khi có sự cố, tai nạn giao thông đường sắt, bão lũ gây ra. Xử lý và tổ chức các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông đường sắt kịp thời trong khả năng của đơn vị.
- Tích cực tìm thêm việc làm, công trình ngoài sản phẩm sửa chữa thường xuyên để nâng cao đời sống cho người lao động. Trước khi thực hiện phải báo cáo xin ý kiến của Giám đốc Công ty.
- Phối hợp với các phòng nghiệp vụ, bộ phận liên quan tổ chức cho người lao động trong các đơn vị học tập và thi quy trình quy phạm, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ định kỳ hàng năm theo quy định. Tổ chức cho công nhân làm bài kiểm tra nghiệp vụ: Đối với công nhân tuần gác 01 lần/tháng, công nhân duy tu 01 lần/quý (đội tự ra câu hỏi kiểm tra, lưu bài kiểm tra tại Ban chỉ huy đội) và báo cáo kết quả về Công ty (qua phòng Tổ chức - Hành chính) hàng tháng, quý. Bộ câu hỏi kiểm tra phải do phòng Tổ chức - Hành chính và phòng Kỹ thuật & An toàn giao thông đường sắt cung cấp.
- Tổ chức thực hiện tốt các phong trào thi đua. Chú trọng phong trào sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất. Sử dụng có hiệu quả các máy móc thiết bị hiện có vào sản xuất, từng bước nâng cao các mặt quản lý. Thường xuyên quan tâm chỉ đạo xây dựng đơn vị "Chính quy - Văn hóa - An toàn".
- Chăm lo sức khoẻ cho người lao động, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, thực hiện công tác phòng bệnh, phòng dịch...

- **Đội QLĐS 1:** Gồm 139 người, quản lý từ Km 405+000 đến Km 453+000 tuyến đường sắt Hà Nội - TP. Hồ Chí Minh

- **Đội QLĐS 3:** Gồm 132 người, Quản lý từ Km 453+000 đến Km 492+000 tuyến đường sắt Hà Nội - TP. Hồ Chí Minh
- **Đội QLĐS 4:** Gồm 148 người, quản lý từ Km 492+000 đến Km 536+000 tuyến đường sắt Hà Nội - TP. Hồ Chí Minh
- **Đội QLĐS 5:** Gồm 118 người, quản lý từ Km 536+000 đến Km 579+500 tuyến đường sắt Hà Nội - TP.Hồ Chí Minh
- **Xí nghiệp Xây dựng công trình:** Gồm 41 người, với chức năng, nhiệm vụ:
  - Xây dựng các công trình giao thông đường sắt, đường bộ, công trình thuỷ lợi, công trình dân dụng và công nghiệp; đường dây và trạm biến áp công trình thông tin, viễn thông, tín hiệu giao thông.
  - Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn và tai nạn giao thông đường sắt.
  - Hợp tác liên doanh, liên kết với các tổ chức trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật và của Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Quảng Bình để thực hiện mục đích kinh doanh, tìm kiếm lợi nhuận.
  - Các ngành nghề khác được Công ty giao phù hợp với ngành nghề đăng ký kinh doanh của Công ty.
- **Xí nghiệp Sản xuất vật liệu và Xây dựng tổng hợp:** Gồm 49 người, với chức năng, nhiệm vụ:
  - Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng và kết cấu thép chuyên ngành gồm: Tà vẹt bê tông đường sắt; các kết cấu thép, bê tông cốt thép; phụ kiện đường sắt và các sản phẩm cơ khí.
  - Sản xuất, sửa chữa các loại phụ kiện, máy móc thiết bị phục vụ thi công công trình; các công cụ, dụng cụ lao động, trang thiết bị bảo hộ lao động.
  - Xây dựng các công trình giao thông đường sắt, đường bộ, công trình thuỷ lợi, công trình dân dụng và công nghiệp; đường dây truyền tải điện và trạm biến áp (công trình thông tin, viễn thông, tín hiệu giao thông).

- Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn và tai nạn giao thông đường sắt.
- Khai thác, sản xuất đá, cát và kinh doanh các sản phẩm từ đá, cát.
- Cho thuê văn phòng, cửa hàng, kho bãi và dịch vụ khác.
- Hợp tác liên doanh, liên kết với các tổ chức trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật và của Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Quảng Bình để thực hiện mục đích kinh doanh, tìm kiếm lợi nhuận.
- Các ngành nghề khác được Công ty giao phù hợp với ngành nghề đang ký kinh doanh của Công ty.

Danh sách các thành viên Ban lãnh đạo của Công ty hiện tại như sau:

CHỦ TỊCH CÔNG TY	
Ông Đỗ Bá Tâm	**Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty**
KIỂM SOÁT VIÊN	
Ông Lê Hùng Cường	**Kiểm soát viên Công ty**
BAN GIÁM ĐỐC	
Ông Đỗ Bá Tâm	**Giám đốc Công ty**
Ông Trần Văn Bằng	**Phó Giám đốc Công ty**
Ông Trần Ngọc Sơn	**Phó Giám đốc Công ty**
Ông Trần Văn Sáu	**Phó Giám đốc Công ty**
KẾ TOÁN TRƯỞNG	
Bà Mai Thị Tuyết Lan	**Kế toán trưởng**

3. Chủ sở hữu của Công ty

Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam là Chủ sở hữu, nắm giữ 100% vốn điều lệ của Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Đường sắt Quảng Bình.

4. Danh sách công ty con và công ty liên kết, liên doanh của Công ty

Không có.

II. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CỦA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT QUẢNG BÌNH TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP

1. Thực trạng về tài sản

Tổng giá trị tài sản của Công ty theo số liệu sổ sách sau xử lý tài chính tại ngày 31/12/2014 là **327.923.925.999** đồng, bao gồm:

Bảng 1: Danh mục tài sản của Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Bình tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp theo số liệu sổ sách sau xử lý tài chính

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách sau xử lý tài chính	% trong cơ cấu tài sản
	(1)	*(2)*	*(3)*
A.	**TÀI SẢN ĐANG DÙNG (I+II+III+IV)**	**80.427.011.569**	**24,53%**
I.	**Tài sản cố định và đầu tư dài hạn**	**22.809.331.176**	**6,96%**
1.	Tài sản cố định	22.677.074.741	6,92%
a.	Tài sản cố định hữu hình	22.677.074.741	6,92%
6.	Chi phí trả trước dài hạn (chưa gồm giá trị lợi thế kinh doanh)	132.256.435	0,04%
II.	**Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn**	**57.617.680.393**	**17,57%**
1.	Tiền	27.104.031.183	8,27%

STT	Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách sau xử lý tài chính	% trong cơ cấu tài sản
	(1)	*(2)*	*(3)*
a.	Tiền mặt tồn quỹ	25.695.052	0,01%
b.	Tiền gửi ngân hàng	27.078.336.131	8,26%
3.	Các khoản phải thu	19.264.349.441	5,87%
4.	Vật tư hàng hoá tồn kho	11.017.515.362	3,36%
5.	Tài sản lưu động ngắn hạn khác	231.784.407	0,07%
III.	**Giá trị lợi thế kinh doanh của DN**	**-**	**0,00%**
IV.	**Giá trị quyền sử dụng đất**	-	0,00%
B.	**TÀI SẢN GIỮ HỘ NHÀ NƯỚC**	**243.947.810.310**	**74,39%**
I.	**Tài sản cố định và đầu tư dài hạn**	**243.947.810.310**	**74,39%**
1.	Tài sản cố định hữu hình	218.733.138.164	66,70%
2.	Tài sản cố định vô hình	25.214.672.146	7,69%
II.	**Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn**	**-**	**0,00%**
C.	**Tài sản cố định bàn giao về Nhà nước**	**2.364.455.909**	**0,72%**
I.	**Tài sản cố định và đầu tư dài hạn**	**2.364.455.909**	**0,72%**
1.	Tài sản cố định hữu hình	2.364.455.909	0,72%
D.	**Tài sản hình thành từ quỹ phúc lợi, khen thưởng**	**1.184.648.211**	**0,36%**
	TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP (A + B + C + D)	**327.923.925.999**	**100%**

(Nguồn: Số liệu tại Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Bình)

Bảng 2: Tình hình tài chính, công nợ tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp sau xử lý tài chính

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nguồn vốn	Số liệu sổ sách sau xử lý tài chính (*)	Cơ cấu nguồn vốn (%)
A.	**Nợ phải trả**	**74.060.580.578**	**22,58%**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**61.617.112.094**	**18,79%**
2.	Phải trả người bán	20.618.884.191	6,29%
3.	Người mua trả tiền trước	105.158.732	0,03%
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.740.525.978	0,84%
5.	Phải trả người lao động	23.901.426.283	7,29%
7.	Phải trả nội bộ	3.102.322.945	0,95%
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	-	0,00%
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	4.003.451.430	1,22%
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	7.145.342.535	2,18%
II.	**Nợ dài hạn**	**12.443.468.484**	**3,79%**
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	11.349.974.967	3,46%
3.	Phải trả dài hạn khác	1.093.493.517	0,33%
B.	**Vốn chủ sở hữu**	**253.863.345.421**	**77,42%**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**9.915.535.111**	**3,02%**
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	9.915.535.111	3,02%
7.	Quỹ đầu tư phát triển	-	0,00%
II.	**Nguồn kinh phí, quỹ khác**	**243.947.810.310**	**74,39%**
2.	Nguồn kinh phí, sự nghiệp đã hình thành TSCĐ	243.947.810.310	74,39%
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (A+B)	**327.923.925.999**	**100,00%**

(Nguồn: Số liệu tại Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Bình)

(*): Nợ phải trả giảm: 294.177.987 đồng, trong đó:

- *Giảm 1.184.648.211 đồng tương ứng với giá trị còn lại của các tài sản cố định hình thành từ quỹ khen thưởng phúc lợi, không đưa vào đánh giá khi cổ phần hóa.*

- *Tăng công nợ phải trả Tổng công ty số tiền 890.470.224 đồng tương ứng với phần đánh giá lại giá trị tài sản hình thành từ nguồn vốn vay ODA. Nguyên nhân do Tổng công ty Đường sắt Việt Nam đang kiến nghị sử dụng giá trị đánh giá lại nêu trên để bù đắp nguồn trả nợ vốn vay.*

2. Tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 03 năm trước khi cổ phần hóa

2.1. Đánh giá hiệu quả kinh doanh của Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng bình trong giai đoạn từ 2012 đến nay

Giai đoạn từ năm 2012 đến hiện tại, đặc biệt là năm 2013 và từ đầu năm 2014 đến nay, do chịu ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng suy thoái kinh tế thế giới nói chung và tình hình khó khăn của nền kinh tế trong nước nói riêng nên việc sản xuất kinh doanh của Công ty cũng bị chi phối nặng nề. Tuy vậy, với đội ngũ lãnh đạo có trình độ quản lý cao cùng đội ngũ nhân viên với trình độ chuyên môn nghiệp vụ tốt và tinh thần đoàn kết cùng nỗ lực vượt khó của tập thể Cán bộ Công nhân viên Công ty đã giúp Công ty vượt qua giai đoạn khó khăn và nỗ lực để hoàn thành kế hoạch đề ra, góp phần giữ vững uy tín và vị thế của Công ty trên thị trường. Công ty đã phát huy, nâng cao tính năng động, chủ động nghiên cứu và tìm kiếm thị trường, nắm bắt và xử lý thông tin kịp thời nhằm đưa ra những chính sách hiệu quả, định hướng tập trung vào sản xuất chất lượng cao, đa dạng hóa sản phẩm. Công ty lấy chất lượng sản phẩm để cam kết với khách hàng. Tham khảo nghiên cứu đưa ra các sản phẩm mang tính chất cạnh tranh, đáp ứng tốt nhu cầu của khách hàng hiện tại, thu hút những nguồn hàng và khách hàng mới. Bên cạnh đó, Công ty cũng không ngừng tiếp tục bồi dưỡng, nâng cao trình độ quản lý và chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên Công ty.

Năm 2014, Tổng Doanh thu và Thu nhập khác của Công ty đạt 125,1 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 4,2 tỷ đồng (tăng 11,7% so với năm 2013).

Kết quả đã đạt được nêu trên phần nào đã thể hiện được sự nỗ lực cố gắng của Ban lãnh đạo Công ty và toàn thể Cán bộ Công nhân viên Công ty TNHH MTV QLĐS Quảng Bình trong quá trình xây dựng và phát triển Công ty ngày một vững mạnh và phát triển.

2.2. Tình hình tài chính và Kết quả kinh doanh của Công ty giai đoạn 2012 – 30/06/2015 và một số chỉ tiêu dự kiến năm 2015

Bảng 3: Kết quả kinh doanh giai đoạn 2012 – 30/06/2015 và một số chỉ tiêu dự kiến năm 2015

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu (cuối kỳ)	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Một số chỉ tiêu dự kiến năm 2015
1	Tổng tài sản	186.009.065.711	251.525.843.039	330.087.707.969	353.319.869.999	360.000.000.000
2	Vốn chủ sở hữu	115.111.202.079	158.175.135.111	254.736.371.381	240.611.940.705	236.415.000.000
	Trong đó:					
-	*Vốn chủ sở hữu*	*13.417.946.495*	*13.609.398.215*	*10.788.561.071*	*10.109.994.598*	*11.415.000.000*
+	*Vốn đầu tư của chủ sở hữu*	*10.132.232.819*	*10.571.755.893*	*10.571.755.893*	*9.915.535.111*	*9.915.535.111*
-	*Nguồn kinh phí và quỹ khác*	*101.693.255.584*	*144.565.736.896*	*243.947.810.310*	*230.501.946.107*	*225.000.000.000*
3	Nợ ngắn hạn	54.762.638.939	79.240.578.541	62.907.868.104	86.133.745.281	70.000.000.000
	Trong đó:					
-	*Nợ ngắn hạn*	*54.762.638.939*	*79.240.578.541*	*62.907.868.104*	*86.133.745.281*	*70.000.000.000*
-	*Nợ quá hạn*	*0*	*0*	*0*	*0*	
4	Nợ dài hạn	16.135.224.693	14.110.129.387	12.443.468.484	26.574.184.013	24.974.184.013
	Trong đó:					
-	*Nợ dài hạn*	*16.135.224.693*	*14.110.129.387*	*12.443.468.484*	*26.574.184.013*	*24.974.184.013*
-	*Nợ quá hạn*	*0*	*0*	*0*	*0*	

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu (cuối kỳ)	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Một số chỉ tiêu dự kiến năm 2015
5	Tổng doanh thu và thu nhập khác	98.079.636.749	120.737.132.697	125.093.528.566	23.111.827.554	109.090.908.000
-	*Trong đó:* *Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV*	*97.028.241.489*	*119.343.649.194*	*120.981.870.459*	*22.845.769.207*	*109.090.908.000*
6	Tổng chi phí	94.538.376.919	116.936.582.545	120.849.973.007	22.853.334.107	107.590.908.000
-	*Trong đó:* *Giá vốn hàng bán*	*87.863.757.785*	*107.348.731.732*	*09.811.060.807*	*19.003.753.362*	*98.983.635.000*
7	Lợi nhuận trước thuế	3.541.259.830	3.800.550.152	4.243.555.559	258.493.447	1.500.000.000
8	Lợi nhuận sau thuế	2.921.539.360	2.831.840.383	3.309.973.336	194.459.487	1.170.000.000
9	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (cuối kỳ, bao gồm nguồn kinh phí và quỹ khác)	2,54%	1,79%	1,30%	-	0,49%
10	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (cuối kỳ, không bao gồm nguồn kinh phí và quỹ khác)	21,77%	20,81%	30,68%	-	10,25%

(Nguồn: Số liệu cuối kỳ tại BCTC năm 2012, 2013, 2014 đã được kiểm toán của Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Bình, BCTC Quý II năm 2015 do Công ty lập và một số chỉ tiêu dự kiến năm 2015 do Công ty cung cấp)

Bảng 4: Một số chỉ tiêu tài chính giai đoạn 2012 – 2014

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán *(Tại thời điểm cuối kỳ)*			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (Lần) (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	0,97	0,99	0,95
- Hệ số thanh toán nhanh (Lần) [(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn]	0,52	0,60	0,74
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn *(Tại thời điểm cuối kỳ)*			
- Hệ số Nợ/Tổng Tài sản (%)	38,11%	37,11%	22,83%
- Hệ số Vốn chủ sở hữu/Tổng Tài sản (%)	7,21%	5,41%	3,27%
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu *(Lần)*	5,28	6,86	6,98
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay các khoản phải thu *(Vòng)* (Doanh thu thuần/Các khoản phải thu khách hàng bình quân)	5,38	5,46	5,14
- Kỳ thu tiền bình quân *(Ngày)*	66,9	65,9	70,03
- Vòng quay các khoản phải trả *(Vòng)* (Giá vốn hàng bán/ Phải trả cho người bán bình quân)	6,27	3,7	3,76
- Ngày phải trả bình quân *(Ngày)*	57,42	97,3	95,74
- Vòng quay hàng tồn kho *(Vòng)* (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	5,7	3,88	5,00
- Vòng quay Tổng tài sản *(Vòng)* (DTT/Tổng tài sản bình quân)	0,61	0,55	0,42

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	3,01%	2,37%	2,74%
- Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	3,53%	3,29%	3,66%
- Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (bao gồm nguồn kinh phí và quỹ khác)	3,01%	2,07%	1,60%
- Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (không bao gồm nguồn kinh phí và quỹ khác)	22,63%	20,96%	27,13%
- Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	1,85%	1,29%	1,14%

(Nguồn: Tính toán dựa trên số liệu cuối kỳ tại BCTC năm 2012, 2013, 2014 đã được kiểm toán của Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Bình)

2.3. Cơ cấu doanh thu và thu nhập khác của Công ty giai đoạn 2012 – 30/06/2015

Bảng 5: Cơ cấu doanh thu và thu nhập khác của Công ty giai đoạn 2012 – 30/06/2015

Khoản mục	Năm 2012		Năm 2012		Năm 2014		Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ %(*)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ %(*)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ %(*)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ %(*)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	97.028	98,93	119.344	98,85	120.981	96,71	22.846	98,85
Doanh thu hoạt động tài chính	914	0,93	513	0,42	612	0,49	234	1,01
Thu nhập khác	137	0,14	880	0,73	3.500	2,80	35	0,15
Tổng doanh thu và thu nhập khác	**98.079**	**100**	**120.737**	**100**	**125.093**	**100**	**23.111**	**100**

(Nguồn: BCTC năm 2012, 2013, 2014 đã được kiểm toán của Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Bình và BCTC Quý II năm 2015 do Công ty lập)

(*) Tỷ lệ trên tổng doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ luôn chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu tổng doanh thu và thu nhập khác của Công ty giai đoạn 2012 – 31/03/2015.

2.4. Chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty giai đoạn 2012 – 30/06/2015

Bảng 6: Cơ cấu chi phí của Công ty giai đoạn 2012 – 30/06/2015

Khoản mục	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ %(*)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ %(*)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ %(*)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ %(*)
Giá vốn hàng bán	87.864	92,94	107.349	91,80	109.811	90,87	19.004	83,16
Chi phí quản lý DN	6.652	7,04	8.581	7,34	7.360	6,09	3.817	16,7
Chi phí khác	23	0,02	1.007	0,86	3.679	3,04	33	0,14
Tổng chi phí	**94.539**	**100**	**116.937**	**100**	**120.850**	**100**	**22.853**	**100**

(Nguồn: BCTC năm 2012, 2013, 2014 đã được kiểm toán của Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Bình và BCTC Quý II năm 2015 do Công ty lập)

(*) Tỷ lệ trên tổng chi phí

Giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ngoài ra chi phí quản lý doanh nghiệp cũng chiếm tỷ trọng đáng kể trong cơ cấu chi phí của Công ty, chi phí khác chiếm tỷ trọng không đáng kể, Công ty không phát sinh chi phí tài chính và chi phí bán hàng.

2.5. Nguồn nguyên vật liệu

Trong nền kinh tế thị trường với chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần, mọi thành phần kinh tế đều được tự do phát triển và cạnh tranh lành mạnh. Các đơn vị được quyền tự chủ trong sản xuất kinh doanh từ việc lựa chọn sản phẩm sản xuất đến lựa chọn nguồn thu mua nguyên vật liệu...đều do doanh nghiệp tự quyết định. Song nguyên vật liệu được sử dụng trong sản xuất tại Công ty chủ yếu từ các đơn vị cung

ứng vật liệu trực thuộc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, các đơn vị khai thác đá ở địa phương và các Tổng đại lý vật liệu trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

2.6. Trình độ công nghệ

Hiện nay, Công ty sử dụng công nghệ tiên tiến là Máy chèn 08-8GS của Cộng hòa Áo, máy chèn Bard, máy đa năm KGT của Pháp v.v...

Gồm một số máy móc thiết bị theo bảng kê như sau:

Bảng 7: Danh sách một số máy móc, thiết bị của Công ty

TT	Tên máy móc thiết bị	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Nguyên giá	Giá trị còn lại
1	Máy mài ray	Việt Nhật	2007	**2.054.914.634**	**787.883.460**
2	Máy dao động 2009	Trung Quốc	2009	113.602.000	53.014.267
3	Máy cắt ray	Trung Quốc	2010	157.500.000	94.500.000
4	Máy phát điện Ka ma	Trung Quốc	2010	179.000.000	119.333.333
5	Thiết bị nắn ray thủy lựcYZGII	Trung Quốc	2012	140.000.000	93.333.333
6	Máy phát điện DENVONEW240	Trung Quốc	1997	199.615.000	174.663.000
7	Máy bộ đàm Motorola GM300	Trung Quốc	1996	75.000.000	15.000.000
8	Máy đột dập	Việt Nam	2003	31.830.000	6.366.000

TT	Tên máy móc thiết bị	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Nguyên giá	Giá trị còn lại
9	Máy búa	Việt Nam	2003	97.237.762	19.447.552
10	Máy vặn xiết Bu long	Pháp	2003	48.619.000	9.723.800
11	Máy cao đạc	Nhật	2004	155.109.158	31.021.832
12	Máy cưa ray	Partner	2004	88.490.000	17.698.000
13	Máy khoan ray	Pháp	2004	44.943.000	8.988.600
14	Máy vặn xiết Bu long	Pháp	2004	58.780.000	11.756.000
15	Máy kinh vĩ, máy thuỷ bình	Nhật Bản	2005	170.082.000	34.016.400
16	Máy mài ray	Pháp	2005	53.653.000	10.730.600
17	Thiết bị điều chỉnh khe hở ray	Trung Quốc	2005	177.325.714	35.465.143
18	Máy Vặn Bu long	Nhật	2006	61.928.000	12.385.600
	Tổng			**2.054.914.634**	**787.883.460**

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Bình)

Còn lại là hệ thống các máy móc, thiết bị khác phục vụ cho quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty.

2.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Bình là một đơn vị hoạt động trong lĩnh vực quản lý đường sắt, yếu tố công nghệ luôn được đặc biệt chú trọng. Do vậy, không ngừng nâng cao chất lượng thi công công trình là mục tiêu và chiến lược phát triển của Công ty. Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Bình đã thực hiện thành thạo và thường xuyên cải tiến nâng cao hiệu quả

công nghệ thi công đại tu, đặt mới các công trình đường sắt; đặt ghi trên đường sắt đang khai thác; thi công công trình cầu đường sắt; …

Hiện nay Công ty áp dụng Quy trình kiểm soát chất lượng sản phẩm như sau:

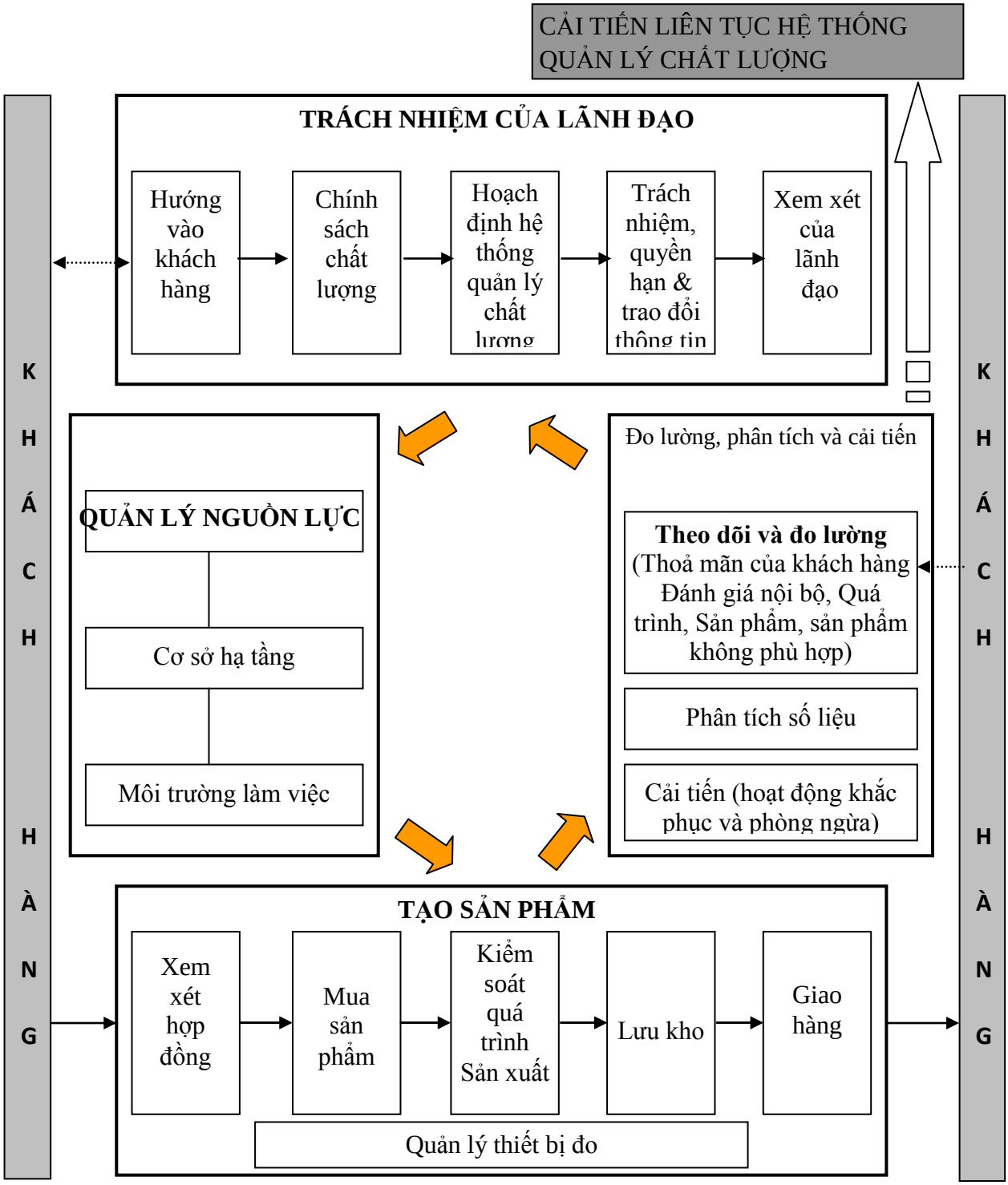

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Bình)

2.8. Hoạt động Marketing

Qua hơn 30 năm xây dựng và trưởng thành, thương hiệu Quản lý Đường sắt Quảng Bình đã được khẳng định bởi uy tín, chất lượng các công trình dự án hoàn thành và được Tổng công ty Đường sắt Việt Nam đánh giá cao.

Để đạt được những kết quả đó trước hết Công ty luôn coi khách hàng là trung tâm. Công ty tiến hành thu thập các thông tin từ các chủ đầu tư, khách hàng để đáp ứng các yêu cầu của khách hàng và coi đó là một trong những thước đo mức độ thực hiện hiệu quả Hệ thống quản lý chất lượng.

Công ty luôn phấn đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra, kinh doanh có hiệu quả. Hoạt động sản xuất kinh doanh trên cơ sở sự phân tích đánh giá thị trường kỹ lưỡng để đưa ra các quyết sách hợp lý, nhằm đạt được niềm tin của khách hàng cũng như đem lại hiệu quả cho bản thân doanh nghiệp

2.9. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Công ty hiện chưa sử dụng logo

2.10. Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết

Bảng 8: Một số hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết

STT	Số hợp đồng	Trị giá (đồng)	Ngày ký kết hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng	Nội dung	Đối tác trong hợp đồng
1	09-13/HĐ-CSHT	93.257.293.760	04/1/2013	365 ngày	Hợp đồng bảo trì KCHTĐS	Ban QLCSHTĐS-Tổng công ty ĐSVN
2	02-09-14/HĐ-CSHT	94.429.760.290	04/1/2013	365 ngày	Hợp đồng bảo trì KCHTĐS	Ban QLCSHTĐS-Tổng công ty ĐSVN
3	09/HĐ-QLBDTX	94.582.771.000	31/12/2014	365 ngày	Hợp đồng đặt hàng bảo trì KCHTĐS	Tổng công ty ĐSVN

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Bình)

2.11. Tình hình sử dụng nhà xưởng, đất đai

Bảng 9: Tình hình sử dụng đất đai

Tên lô	Địa điểm	Diện tích (m^2)	Mục đích sử dụng	Hình thức (giao, thuê)	Hồ sơ pháp lý (Số Sê Ri/Số vào sổ cấp giấy)
1	377 Trần Hưng Đạo, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	13.550	Nhà điều hành và công trình phụ trợ	Thuê	- Giao đất làm cơ sở hạ tầng - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 9/1/1996 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình cấp cho Xí nghiệp quản lý đường sắt Quảng Bình.
2	Khách sạn Đường sắt: Hải Thành, Thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	2.214	Khách sạn	Thuê 30 năm	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00003 ngày 8/2/2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình.
Cơ sở nhà, đất nằm trong đất dành cho đường sắt; đất nằm trong quy hoạch phát triển đường sắt (để chuyển về Tổng công ty)					
1	trạm gác cầu Tân Đức	500		Đất giao. Trả về Tổng Công ty	Quản lý theo hiện trạng
2	cung đường Tân Ấp	3.341		Đất giao. Trả về Tổng Công ty	Quyết định cấp GCN QSDĐ số 1525/QĐ-UB ngày 02/12/1997
3	Trạm gác cầu Khe Nét	500		Đất giao. Trả về Tổng Công ty	BI 193524 CT 01012
4	Trạm gác cầu Đò Vàng	1.200		Đất giao. Trả về Tổng Công ty	BI 193526 CT 01017
5	Cung đường Lạc Sơn	1.652		Đất giao. Trả về Tổng Công ty	Quyết định cấp GCN QSDĐ số 1520/QĐ-UB ngày 02/12/1997
6	Trạm gác hầm 4+5 (Lệ Sơn)	45		Đất giao. Trả về Tổng Công ty	BI 193540 CT 01054

Tên lô	Địa điểm	Diện tích (m^2)	Mục đích sử dụng	Hình thức (giao, thuê)	Hồ sơ pháp lý (Số Sê Ri/Số vào sổ cấp giấy)
7	Cung đường Lệ Sơn	1.311		Đất giao. Trả về Tổng Công ty	Quyết định cấp GCN QSDĐ số 1524/QĐ-UB ngày 02/12/1997
8	Cung đường Minh Lễ	2.912		Đất giao. Trả về Tổng Công ty	Quyết định cấp GCN QSDĐ số 1521/QĐ-UB ngày 02/12/1997
9	Cung cầu Minh Lễ	2.083		Đất giao. Trả về Tổng Công ty	Quyết định cấp GCN QSDĐ số 1521/QĐ-UB ngày 02/12/1997
10	Cung đường Ngân Sơn	1.905		Đất giao. Trả về Tổng Công ty	Quyết định cấp GCN QSDĐ số 381/QĐ-UB ngày 22/4/1998
11	Cung đường Hoàn Lão	3.900		Đất giao. Trả về Tổng Công ty	Quản lý theo hiện trạng
12	Cung đường Phúc Tự	1.630		Đất giao. Trả về Tổng Công ty	Quyết định cấp GCN QSDĐ số 1629/QĐ-UB ngày 14/10/1998
13	Đội duy tu đường IV	1.428		Đất giao. Trả về Tổng Công ty	Quyết định cấp GCN QSDĐ số 678/QĐ-UB ngày 11/6/1998
14	Cung đường Mỹ Đức	6.114		Đất giao. Trả về Tổng Công ty	Quyết định giao đất số 1080/QĐ-UB ngày 19/12/1994
15	Cung đường Phú Hòa	6.540		Đất giao. Trả về Tổng Công ty	Quyết định giao đất số 1081/QĐ-UB ngày 19/12/1994
16	Cung đường Thượng Lâm	2.376		Đất giao. Trả về Tổng Công ty	Quyết định giao đất số 1078/QĐ-UB ngày 19/12/1994
17	Nhà gác ĐN km 405+062	12		Đất giao. Trả về Tổng Công ty	Quản lý theo hiện trạng
18	Nhà gác ĐN km 419+677	12		Đất giao. Trả về Tổng Công ty	BI 193575 CT 01058
19	Trạm gác ĐN km442+412	16		Đất giao. Trả về Tổng Công ty	AO 851548

Tên lô	Địa điểm	Diện tích (m^2)	Mục đích sử dụng	Hình thức (giao, thuê)	Hồ sơ pháp lý (Số Sê Ri/Số vào sổ cấp giấy)
20	Nhà gác ĐN km 448+870	16		Đất giao. Trả về Tổng Công ty	BI 193539 CT 01056
21	Nhà gác ĐN km 480+300	16		Đất giao. Trả về Tổng Công ty	
22	Nhà gác ĐN km 495+450	12		Đất giao. Trả về Tổng Công ty	BB 040984 CT 00987
23	Nhà gác ĐN km 505+987	12		Đất giao. Trả về Tổng Công ty	BB 040985 CT 00986
24	Nhà gác ĐN km 507+645	27		Đất giao. Trả về Tổng Công ty	
25	Nhà gác ĐN km 512+025	16		Đất giao. Trả về Tổng Công ty	BI 193513 CT 00983
26	Nhà gác ĐN km 519+325	14		Đất giao. Trả về Tổng Công ty	Quản lý theo hiện trạng
27	Nhà gác ĐN km 520+137	14		Đất giao. Trả về Tổng Công ty	Quản lý theo hiện trạng
28	Nhà gác ĐN km 521+237	16		Đất giao. Trả về Tổng Công ty	Quản lý theo hiện trạng
29	Nhà gác ĐN km 523+626	16		Đất giao. Trả về Tổng Công ty	Quản lý theo hiện trạng
30	Nhà gác ĐN km 545+550	16		Đất giao. Trả về Tổng Công ty	Quản lý theo hiện trạng
31	Nhà gác ĐN km 570+150	16		Đất giao. Trả về Tổng Công ty	BB 040991 CT 00980
32	Nhà tuần hầm	12		Đất giao. Trả về Tổng Công ty	BI 193541 CT 01057 BI 193540 CT 01054

Tên lô	Địa điểm	Diện tích (m^2)	Mục đích sử dụng	Hình thức (giao, thuê)	Hồ sơ pháp lý (Số Sê Ri/Số vào sổ cấp giấy)
33	Nhà gác cầu Minh Lễ	24		Đất giao. Trả về Tổng Công ty	BI 193538 CT 01055
34	Nhà gác cầu Ngân Sơn	16		Đất giao. Trả về Tổng Công ty	BB 040986 CT 00985
Cơ sở nhà, đất nằm ngoài đất dành cho đường sắt; đất nằm ngoài quy hoạch phát triển đường sắt					
1	Cung đường Khe Nét	5.000		Đất giao. Trả về Tổng Công ty	Quyết định cấp GCN QSDĐ số 1522/QĐ-UB ngày 02/12/1997
2	Cung đường Kim Lũ	2.700		Đất giao. Trả về Tổng Công ty	Quyết định cấp GCN QSDĐ số 1522/QĐ-UB ngày 02/12/1997
3	Cung cầu Kim Lũ	1.456		Đất giao. Trả về Tổng Công ty	Quyết định cấp GCN QSDĐ số 1522/QĐ-UB ngày 02/12/1997
4	Cung cầu Đồng Lê	2.011		Đất giao. Trả về Tổng Công ty	Quyết định cấp GCN QSDĐ số 1490/QĐ-UB ngày 25/11/1997
5	Trạm gác ĐN km442+412	663		Đất giao. Trả về Tổng Công ty	Giấy chứng nhận quyền SDĐ số AO 851548 ngày 29/9/2009
6	Trạm tuần đường Kim Sơn	1.528		Đất giao. Trả về Tổng Công ty	Giấy chứng nhận quyền SDĐ số AO 851545 ngày 29/9/2009
7	Cung đường Ngọc Lâm	5.190		Đất giao. Trả về Tổng Công ty	Quyết định cấp GCN QSDĐ số 1492/QĐ-UB ngày 25/11/1997
8	Cung cầu hầm Lạc Sơn	4.627		Đất giao. Trả về Tổng Công ty	Giấy chứng nhận quyền SDĐ số AO 851547 ngày 29/9/2009
9	Trạm tuần đường Lạc Giao	2.087		Đất giao. Trả về Tổng Công ty	Giấy chứng nhận quyền SDĐ số AO 851546 ngày 29/9/2009
10	Cung đường Thọ Lộc	3.372		Đất giao. Trả về Tổng Công ty	Quyết định cấp GCN QSDĐ sô 380/QĐ-UB ngày 22/4/1998

Tên lô	Địa điểm	Diện tích (m^2)	Mục đích sử dụng	Hình thức (giao, thuê)	Hồ sơ pháp lý (Số Sê Ri/Số vào sổ cấp giấy)
11	Cung cầu Phúc Tự	2.232		Đất giao. Trả về Tổng Công ty	Quyết định cấp GCN QSDĐ số 379/QĐ-UB ngày 22/4/1988
12	Trạm chắn Bắc Lý	312		Đất giao. Trả về Tổng Công ty	Quyết định cấp GCN QSDĐ số 652/QĐ-UB ngày 11/6/1998
13	Cung đường Lệ Kỳ	2.576		Đất giao. Trả về Tổng Công ty	Quyết định giao đất số 1079/QĐ-UB ngày 19/12/1994
14	Cung đường Long Đại	4.119		Đất giao. Trả về Tổng Công ty	Quyết định giao đất số 1082/QĐ-UB ngày 19/12/1994
15	Đất cung đường Mỹ Trạch	9.574		Đất giao. Trả về Tổng Công ty	Quyết định giao đất số 1083/QĐ-UB ngày 19/12/1994
16	Cung đường Đồng Lê	2.227		Đất giao. Trả về địa phương	Quyết định cấp GCN QSDĐ số 1490/QĐ-UB ngày 25/11/1997
17	Nhà lưu trú 6 gian (Cung đường Thuận Lý)	723		Đất giao. Trả về địa phương	Quản lý theo hiện trạng
18	Nhà lưu trú 8 gian (Cung đường Thuận Lý)	1.130		Đất giao. Trả về địa phương	Quản lý theo hiện trạng
19	Nhà bếp ăn (Cung đường Thuận Lý)	1.130		Đất giao. Trả về địa phương	Quản lý theo hiện trạng
20	Nhà ở gia đình (Cung đường Đồng Hới)	1.140		Đất giao. Trả về địa phương	Quản lý theo hiện trạng

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Bình)

3. Thực trạng về lao động

Tổng số lao động có tên trong Công ty tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp là: 696 người với cơ cấu như sau:

Bảng 10: Cơ cấu lao động

Cơ cấu lao động	Số người	Tỷ lệ %
Tổng số lao động	**696**	**100%**
Trong đó:		
Phân theo trình độ:		
- Trình độ đại học và trên đại học	54	7,8%
- Trình độ cao đẳng, trung cấp	113	16,2%
- Công nhân kỹ thuật	529	76,0%
- Lao động khác	0	0%
Phân theo tính chất hợp đồng lao động:		
- Lao động thuộc diện không ký hợp đồng lao động	06	0,9%
- Lao động không xác định thời hạn	690	99,1%
- Lao động có thời hạn từ 12 tháng đến 36 tháng	0	0%

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Bình)

Công ty luôn chấp hành nghiêm chỉnh theo các quy định hiện hành của pháp luật lao động. Người lao động được ký kết hợp đồng lao động, thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đầy đủ, chính xác, kịp thời.

4. Giá trị thực tế của doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (31/12/2014)

Căn cứ Quyết định số 2337/QĐ-BGTVT ngày 30/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Bình, giá trị doanh nghiệp tại ngày 31/12/2014 của Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Bình để cổ phần hóa như sau:

Giá trị thực tế của doanh nghiệp để cổ phần hóa: 89.070.215.539 đồng

(Bằng chữ: Tám mươi chín tỷ, không trăm bảy mươi triệu, hai trăm mười lăm nghìn, năm trăm ba mươi chín đồng).

Trong đó:

Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp: 15.303.812.948 đồng

(Bằng chữ: Mười lăm tỷ, ba trăm linh ba triệu, tám trăm mười hai nghìn, chín trăm bốn mươi tám đồng).

Giá trị thực tế của doanh nghiệp để cổ phần hóa tại thời điểm ngày 31/12/2014 của Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Bình được trình bày chi tiết ở bảng sau:

Bảng 11: Giá trị thực tế của doanh nghiệp để cổ phần hóa tại thời điểm ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách sau xử lý tài chính	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)=(3)-(2)*
A. Tài sản đang dùng (I+II+III+IV)	**80.427.011.569**	**89.070.215.539**	**8.643.203.970**
I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	**22.809.331.176**	**28.858.950.771**	**6.049.619.595**
1. Tài sản cố định	22.677.074.741	28.424.208.322	5.747.133.581
a. Tài sản cố định hữu hình	22.677.074.741	28.424.208.322	5.747.133.581
6. Chi phí trả trước dài hạn (chưa gồm giá trị lợi thế kinh doanh)	132.256.435	434.742.449	302.486.014
II. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	**57.617.680.393**	**57.617.680.341**	**-52**
1. Tiền	27.104.031.183	27.104.031.131	-52
a. Tiền mặt tồn quỹ	25.695.052	25.695.000	-52
b. Tiền gửi ngân hàng	27.078.336.131	27.078.336.131	0
3. Các khoản phải thu	19.264.349.441	19.264.349.441	0
4. Vật tư hàng hoá tồn kho	11.017.515.362	11.017.515.362	0
5. Tài sản lưu động ngắn hạn khác	231.784.407	231.784.407	0
III. Giá trị lợi thế kinh doanh của Doanh nghiệp	**0**	**2.593.584.427**	**2.593.584.427**
IV. Giá trị quyền sử dụng đất	**0**	**0**	**0**
B. Tài sản giữ hộ Nhà nước	**243.947.810.310**	**243.947.810.310**	**0**

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách sau xử lý tài chính	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)=(3)-(2)*
I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	**243.947.810.310**	**243.947.810.310**	**0**
1. Tài sản cố định hữu hình	218.733.138.164	218.733.138.164	0
2. Tài sản cố định vô hình	25.214.672.146	25.214.672.146	0
II. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	**0**	**0**	**0**
C. Tài sản cố định bàn giao về Nhà nước	**2.364.455.909**	**2.364.455.909**	**0**
I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	**2.364.455.909**	**2.364.455.909**	**0**
1. Tài sản cố định hữu hình	2.364.455.909	2.364.455.909	0
D. Tài sản hình thành từ quỹ phúc lợi, khen thưởng	**1.184.648.211**	**1.184.648.211**	**0**
TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DN (A+ B+ C+ D)	**327.923.925.999**	**336.567.129.969**	**8.643.203.970**
Trong đó:			
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP (Mục A)	**80.427.011.569**	**89.070.215.539**	**8.643.203.970**
E1. Nợ thực tế phải trả	**74.060.580.578**	**73.766.402.591**	**-294.177.987**
Trong đó: Giá trị quyền sử dụng đất mới nhận giao phải nộp NSNN	0	0	0
E2. Nguồn kinh phí sự nghiệp	**0**	**0**	**0**
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP {A- (E1+E2)}	**6.366.430.991**	**15.303.812.948**	**8.937.381.957**

(Nguồn: Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp và Biên bản thẩm tra xác định giá trị doanh nghiệp ngày 15/4/2015 của Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Bình)

- Giá trị quyền sử dụng đất: Công ty lựa chọn hình thức thuê đất của Nhà nước và trả tiền thuê đất hàng năm nên không tính giá trị Quyền sử dụng đất vào giá trị doanh nghiệp.

- Giá trị Tài sản cố định nhóm I giữ hộ Tổng Công ty không tính vào giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa (theo giá trị sổ sách): **Nguyên giá là 624.959.389.630 đồng, giá trị còn lại là 243.947.810.310 đồng**.

- Giá trị Tài sản cố định nhóm II bàn giao về cho Tổng Công ty không tính vào giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa (theo giá trị sổ sách): **Nguyên giá là 5.894.544.797 đồng, Giá trị còn lại là 2.364.455.909 đồng**.

- Giá trị Tài sản cố định không cần dùng, chờ thanh lý không tính vào giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa (theo giá trị sổ sách): **Nguyên giá là 1.639.720.216 đồng, Giá trị còn lại là 0 đồng.**

- Giá trị tài sản đầu tư bằng nguồn quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi không tính vào giá trị doanh nghiệp: **Nguyên giá là 1.391.088.000 đồng, Giá trị còn lại là 1.184.648.211 đồng.**

- Giá trị Tài sản cố định nhóm II bàn giao về cho địa phương không tính vào giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa (theo giá trị sổ sách): **Nguyên giá là 184.353.206 đồng, Giá trị còn lại là 0 đồng.**

- Giá trị Hàng tồn kho không cần dùng, chờ thanh lý không tính vào giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa (theo giá trị sổ sách) là: **0 đồng.**

- Giá trị khoản công nợ không có khả năng thu hồi không tính vào giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa (theo giá trị sổ sách): **0 đồng.**

5. Những vấn đề cần tiếp tục xử lý

- **Đối với đất đai**: Theo phương án sử dụng đất khi chuyển sang Công ty cổ phần, Công ty đề nghị xin thuê đất trả tiền hàng năm theo hồ sơ pháp lý hiện tại với toàn bộ các lô đất đang quản lý, sử dụng. Theo đó, không tính giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị doanh nghiệp. Trường hợp đến thời điểm Công ty chính thức chuyển đổi sang hình thức Công ty cổ phần, nếu cơ quan có thẩm quyền có

ý kiến khác về các phương án sử dụng đất và giá đất thì thực hiện điều chỉnh bổ sung (nếu có) trước thời điểm Công ty chính thức chuyển sang Công ty cổ phần.

- **Đối với các khoản phải thu, phải trả**: Các khoản phải thu, phải trả được xác định trên cơ sở hồ sơ tài liệu của Công ty cung cấp và kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2011, 2012, 2013, tại ngày 31/12/2014 do các Công ty kiểm toán độc lập thực hiện. Công ty có trách nhiệm tiếp tục đối chiếu, xác nhận các khoản phải thu, các khoản phải trả này theo quy định và điều chỉnh các khoản chênh lệch (nếu có) trước khi Công ty chính thức chuyển đổi sang Công ty cổ phần.

- **Xử lý vật tư thu hồi**: Tại thời điểm 31/12/2014, Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Bình còn tồn tại khoản vật tư thu hồi giữ hộ Nhà nước với giá trị tạm tính là: 2.163.781.970 đồng (đang theo dõi ngoại bảng). Chênh lệch giá trị vật tư thu hồi giữa giá bán và giá hạch toán là 3.145.643.145 đồng đang theo dõi trên khoản phải trả khác. Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Bình có trách nhiệm khẩn trương triển khai công tác bán thanh lý các vật tư thu hồi nêu trên. Khoản chênh lệch giữa giá bán và chi phí tổ chức tổ chức công tác thanh lý được nộp về Ngân sách Nhà nước.

- **Một số vấn đề khác**: Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, Công ty chưa được cơ quản quản lý thuế kiểm tra quyết toán thuế năm 2013 và tại thời điểm ngày 31/12/2014. Do vậy, các khoản chênh lệch về nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước nếu có sẽ được điều chỉnh ngay khi có ý kiến của các cấp có thẩm quyền hoặc tại thời điểm Công ty chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần.

Công ty cam kết sẽ tiếp tục hoàn tất các vấn đề cần tiếp tục xử lý, hoàn thiện hồ sơ pháp lý về nhà, đất và tiếp tục rà soát, đối chiếu xác nhận công nợ, xử lý vật tư thu hồi, bàn giao tài sản về Công ty mẹ - Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam theo quy định.

III. PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY

1. Cơ sở pháp lý

- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 07 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ;
- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 28/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành Công ty cổ phần;
- Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/07/2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;
- Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 của Bộ Lao động Thương binh Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ;
- Thông tư số 10/2013/TT-BTC ngày 18/01/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại các Công ty mẹ của Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ trong tổ hợp công ty mẹ - công ty con;
- Quyết định số 64/QĐ-BGTVT ngày 08/01/2015 của Bộ Giao thông Vận tải về phê duyệt danh sách doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa tại Tổng công ty Đường sắt Việt Nam;

- Quyết định số 88/QĐ-BGTVT ngày 09/01/2015 của Bộ Giao thông Vận tải về việc thành lập Ban chỉ đạo Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Bình - Tổng công ty Đường sắt Việt Nam;
- Quyết định số 24/QĐ-BGTVT ngày 30/01/2015 của Bộ Giao thông Vận tải về việc thành lập Tổ giúp việc Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Bình - Tổng công ty Đường sắt Việt Nam;
- Quyết định số 2337/QĐ–BGTVT ngày 30/06/2015 của Bộ Giao thông Vận tải về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Bình;
- Nghị quyết và Biên bản Hội nghị Đại biểu Người lao động bất thường Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Bình ngày 09/07/2015 về công tác cổ phần hóa, thống nhất Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Bình, thông qua dự thảo Điều lệ Công ty cổ phần, thông qua Phương án sử dụng lao động và Danh sách lao động dôi dư khi cổ phần hóa;
- Các văn bản, tài liệu pháp lý khác có liên quan.

2. Sự cần thiết của việc cổ phần hóa

Trước đòi hỏi của cơ chế thị trường và sự cạnh tranh trong quá trình hội nhập khu vực và quốc tế, thực hiện theo chủ trương của Đảng và Chính phủ trong việc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước để có sự đổi mới, phát huy nội lực để đầu tư phát triển nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh đối với các doanh nghiệp trong nước cũng như quốc tế, bên cạnh đó, trong bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước vẫn còn những khó khăn, năng lực tài chính của doanh nghiệp còn hạn chế, do vậy để đảm bảo thực hiện chiến lược phát triển của Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Bình giai đoạn 2015 – 2020, thực hiện cổ phần hóa Công ty là một yêu cầu khách quan và cần thiết trong tình hình hiện nay. Cổ phần hóa là dịp để Công ty tiến hành rà soát, đánh giá và khắc phục những mặt hạn chế, yếu kém, tận dụng ưu điểm nhanh chóng nâng cao năng lực quản lý, điều hành, năng lực cạnh tranh trên thị trường, chất lượng cuộc sống của tập thể người lao động, đồng thời cũng là biện pháp nhằm huy động mọi nguồn lực và sử dụng nguồn lực có trọng tâm, trọng điểm để đầu tư phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong thời gian tới.

3. Mục tiêu cổ phần hóa

Thực hiện mục tiêu của Chính phủ được nêu trong Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần, mục tiêu cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Bình gồm:

- Chuyển hình thức sở hữu 100% vốn Nhà nước thành hình thức đa sở hữu, Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối. Tạo sự thay đổi căn bản về phương thức quản lý; từng bước đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển quy mô, nâng cao năng lực tài chính, năng lực sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động hiện nay và trong tương lai.
- Huy động các nguồn vốn nhàn rỗi của cán bộ công nhân viên trong doanh nghiệp, của cá nhân, các tổ chức kinh tế trong nước (nếu có) để đầu tư phát triển, mở rộng phạm vi hoạt động trong nhiều lĩnh vực nhằm tăng doanh thu, tăng lợi nhuận và phát triển ổn định trong tương lai với phương châm: "Duy trì sản xuất kinh doanh + Phát triển bền vững + Tăng thu nhập".
- Nâng cao vai trò làm chủ thật sự, gắn chặt trách nhiệm, công việc và quyền lợi của cổ đông, tạo động lực thúc đẩy trong công tác điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh có hiệu quả, nâng cao thu nhập của người lao động, cổ đông và góp phần tăng trưởng kinh tế của đất nước.
- Thực hiện công khai, minh bạch theo nguyên tắc thị trường; gắn với phát triển thị trường vốn, thị trường chứng khoán.

4. Tư cách pháp nhân của Công ty cổ phần

Công ty cổ phần:

- Có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp.
- Thực hiện chế độ hạch toán kinh tế độc lập;
- Có con dấu riêng, được mở tài khoản tại ngân hàng theo quy định của pháp luật.
- Được tổ chức và hoạt động theo Điều lệ của Công ty cổ phần, Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp lý khác có liên quan;
- Được đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

5. Hình thức cổ phần hóa

Căn cứ đặc điểm và tình hình thực tế, đồng thời căn cứ theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần, Công ty lựa chọn hình thức cổ phần hóa là **Bán một phần vốn Nhà nước hiện có tại doanh nghiệp kết hợp phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ**, trong đó Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối (không thấp hơn 51% vốn điều lệ của Công ty) sau cổ phần hóa.

6. Tên gọi Công ty sau cổ phần hóa

Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:	Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Bình
Tên gọi tắt:	Công ty Đường Sắt Quảng Bình
Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh:	Quang Binh Railway Joint Stock Company
Trụ sở chính:	Số 377 đường Trần Hưng Đạo, phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, Việt Nam
Điện thoại:	052. 3838 913
Fax:	052. 3836 742

7. Ngành nghề kinh doanh

Bảng 12: Ngành nghề kinh doanh của Công ty cổ phần

STT	Nội dung ngành nghề kinh doanh	Mã ngành nghề
1	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt. Chi tiết: Quản lý, duy tu sửa chữa theo từng cấp kỹ thuật hệ thống cầu đường đảm bảo an ninh cho tàu chạy thông suốt trong mọi tình huống; Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn và tai nạn giao thông đường sắt; dịch vụ vận chuyển	52211 (chính)

STT	Nội dung ngành nghề kinh doanh	Mã ngành nghề
2	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết:Xây dựng, lắp đặt các công trình đường sắt và đường bộ	4210
3	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
4	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng sửa chữa các công trình giao thông, thủy lợi, công trình thông tin, viễn thông, tín hiệu giao thông; các công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
5	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng	4663
6	Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: Chuẩn bị mặt bằng	4312
7	Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây dựng, sửa chữa các công trình xây dựng dân dụng	4100
8	Sửa chữa máy móc, thiết bị. Chi tiết: Sửa chữa các loại phụ kiện, máy móc, thiết bị thi công công trình	3312
9	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao. Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng, kết cấu bê tông cốt thép và kết cấu thép chuyên ngành	2395
10	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất các loại phụ kiện, máy móc, thiết bị thi công công trình	2599
11	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Mua bán bất động sản; Cho thuê văn phòng, cửa hàng, kho bãi	6810
12	Khách sạn. Chi tiết: Kinh doanh khách sạn	55101
13	Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày.	55103

STT	Nội dung ngành nghề kinh doanh	Mã ngành nghề
	Chi tiết: Kinh doanh nhà nghỉ	
14	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng ăn uống, giải khát	5610
15	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao). Chi tiết: Kinh doanh massage, vật lý trị liệu (Khi có đủ điều kiện và cho phép của cơ quan chức năng)	96100
16	Điều hành tua du lịch. Chi tiết: Kinh doanh du lịch lữ hành	7912
17	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Kinh doanh đồ lưu niệm, hoá mỹ phẩm, văn hoá phẩm, dịch vụ thể thao, dịch vụ viễn thông: mua bán sim card...	4649
18	Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Tư vấn quản lý dự án xây dựng, giám sát các công trình giao thông cầu đường	7410
19	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê phương tiện vận chuyển	7730
20	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Dịch vụ mua bán vé tàu, ô tô. Trông giữ xe ô tô, xe máy	5221
21	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không. Chi tiết: Dịch vụ mua bán vé máy bay	5223
22	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất bảo hộ lao động và công cụ, dụng cụ phục vụ cho sản xuất	3290

8. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ

8.1. Vốn điều lệ

Trên cơ sở đặc điểm và tình hình thực tế của Công ty tại thời điểm cổ phần hóa, các căn cứ xác định hình thức cổ phần hóa và giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp được Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt theo Quyết định số 2337/QĐ-BGTVT ngày 30/06/2015, Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Bình dự kiến sau khi cổ phần hóa là: **17.605.000.000 đồng** *(Bằng chữ: Mười bảy tỷ sáu trăm linh năm triệu đồng).*

8.2. Cơ cấu vốn điều lệ

Tổng số cổ phần của Công ty dự kiến tại thời điểm thành lập Công ty cổ phần là **1.760.500 cổ phần** *(Bằng chữ: Một triệu bảy trăm sáu mươi nghìn năm trăm cổ phần)*, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng. Cơ cấu vốn điều lệ chi tiết theo bảng sau:

Bảng 13: Cơ cấu vốn điều lệ dự kiến của Công ty sau khi cổ phần hóa

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ so với vốn điều lệ
I	**Nhà nước**	**897.855**	**8.978.550.000**	**51,00%**
II	**Người lao động trong Công ty** (*Mua ưu đãi theo thời gian làm việc thực tế tại khu vực nhà nước* (*))	**774.600**	**7.746.000.000**	**44,00%**
III	**Bán ra bên ngoài** *(Bán cho Nhà đầu tư khác mua qua cuộc đấu giá công khai)*	**88.045**	**880.450.000**	**5,00%**
Tổng cộng		**1.760.500**	**17.605.000.000**	**100,00%**

(*) Đây là số cổ phần người lao động trong Công ty đã đăng ký mua ưu đãi theo thời gian làm việc thực tế tại khu vực Nhà nước.

Theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần, cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược và nhà đầu tư khác không thấp hơn 25% vốn đều

lệ; số cổ phần bán cho các nhà đầu tư khác không thấp hơn 50% số cổ phần nêu trên. Trường hợp doanh nghiệp thuộc diện Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối thì cơ quan có thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa xem xét, quyết định điều chỉnh quy mô vốn điều lệ để tăng số lượng hợp lý cổ phần bán ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp hoặc giảm cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược và các nhà đầu tư khác, nhưng phải đảm bảo cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược và các nhà đầu tư thông thường không thấp hơn 20% vốn điều lệ. Do vậy, trường hợp của Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Bình, Tổng công ty Đường sắt Việt Nam và Bộ Giao thông Vận tải phải trình Chính phủ phê duyệt về số lượng cổ phần chào bán và cơ cấu vốn điều lệ sau cổ phần hóa như trên.

8.3. Cổ đông sáng lập

Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Bình không có cổ đông sáng lập.

9. Loại cổ phần và phương thức phát hành

Tất cả cổ phần của Công ty tại thời điểm thành lập là cổ phần phổ thông với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Tổng số cổ phần của Công ty dự kiến tại thời điểm thành lập là: **1.760.500 cổ phần**. Các hoạt động mua, bán, chuyển nhượng, thừa kế cổ phần được thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty cổ phần và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

10. Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động trong Công ty

10.1. Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động theo thời gian làm việc thực tế tại khu vực Nhà nước:

- Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp: 696 người.
- Tổng số lao động được mua cổ phần ưu đãi tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp: 643 người, với tổng số năm công tác được mua cổ phần ưu đãi: 8.081 năm, tương ứng với Tổng số cổ phần tối đa được mua ưu đãi là 808.100 cổ phần.
- Tổng số lao động đăng ký mua cổ phần ưu đãi: 599 người
- Tổng số cổ phần ưu đãi người lao động đăng ký mua: 774.600 cổ phần.

- Tổng số cổ phần ưu đãi người lao động được mua thực tế: 774.600 cổ phần, với tổng giá trị theo mệnh giá là 7.746.000.000 đồng *(Bảy tỷ bảy trăm bốn mươi sáu triệu đồng)*, chiếm tỷ lệ 44,00% vốn điều lệ.
- Giá bán: Bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai.
- Thời gian thực hiện: Sau khi thực hiện đấu giá công khai.

10.2. Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động theo thời gian cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần trong thời hạn ít nhất 03 năm (kể từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu):

- Công ty không có người lao động cam kết làm việc lâu dài trong thời hạn ít nhất là 03 năm (kể từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp lần đầu).

Số cổ phần bán ưu đãi cho người lao động theo thời gian cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.

11. Cổ phần bán ưu đãi cho công đoàn

Công đoàn Công ty đã có đơn về việc không đăng ký mua cổ phần ưu đãi bán cho tổ chức Công đoàn. Nguyên nhân là do:

- Nguồn kinh phí tích lũy của Công đoàn chỉ đủ để chi cho các hoạt động thường xuyên, không có số dư để mua cổ phần ưu đãi.
- Số dư quỹ khen thưởng phúc lợi nên để lại phân phối cho người lao động để người lao động có tiền mua cổ phần nên Công đoàn không vận động người lao động ủy quyền cho Công đoàn thay mặt cán bộ công nhân viên mua cổ phần ưu đãi từ nguồn kinh phí này.

Số cổ phần bán ưu đãi cho tổ chức công đoàn tại Công ty là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.

12. Cổ phần bán cho Nhà đầu tư chiến lược

- Để đẩy nhanh quá trình cổ phần hóa Công ty, đáp ứng được tiến độ sắp xếp, cổ phần hóa các doanh nghiệp Nhà nước; đồng thời để đảm bảo quyền lợi cho người lao động khi cổ phần hóa cũng như đảm bảo hài hòa lợi ích của Nhà nước, Công ty đề xuất Công ty không có Nhà đầu tư chiến lược.

Số cổ phần bán cho Nhà đầu tư chiến lược là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.

13. Cổ phần bán đấu giá ra bên ngoài

- Số cổ phần bán đấu giá ra bên ngoài: 88.045 cổ phần, với tổng giá trị theo mệnh giá là 880.450.000 đồng *(Tám trăm tám mươi triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng)*, chiếm tỷ lệ 5,00% vốn điều lệ.
- Đối tượng tham gia đấu giá: Các nhà đầu tư cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước theo đúng quy định của Pháp luật.
- Phương thức thực hiện đấu giá: Đấu giá công khai thông qua tổ chức tài chính trung gian là Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam
- Thời gian thực hiện: Sau khi có Quyết định phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Bình của Bộ Giao thông Vận tải.
- Giá khởi điểm: 10.000 đồng/cổ phần (chi tiết theo nội dung Mục 14 dưới đây).

14. Giá khởi điểm bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài

Giá khởi điểm bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài của Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Đường sắt Quảng Bình được tính toán dựa trên 02 phương pháp là: Phương pháp tài sản và Phương pháp chiết khấu dòng cổ tức (DDM), trên cơ sở vận dụng theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần và Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần.

14.1. Phương pháp tài sản

$$\text{Giá cổ phần (P)} = \frac{\text{Vốn điều lệ dự kiến sau khi chuyển sang công ty cổ phần}}{\text{Số lượng cổ phần dự kiến phát hành tương đương với vốn điều lệ}}$$

Căn cứ:

- Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp và Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp theo phương pháp tài sản tại thời điểm ngày 31/12/2014 của Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Đường sắt Quảng Bình, và Quyết định số 2337/QĐ–BGTVT ngày 30/06/2015 của Bộ Giao thông Vận tải về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa của Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Đường sắt Quảng Bình;
- Hình thức cổ phần hóa của Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Đường sắt Quảng Bình là **Bán một phần vốn Nhà nước hiện có tại doanh nghiệp kết hợp phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ.**

Vốn điều lệ dự kiến sau khi chuyển sang công ty cổ phần: 17.605.000.000 đồng.

Số lượng cổ phần dự kiến phát hành tương đương với vốn điều lệ: 1.760.500 cổ phần.

Giá cổ phần = 17.605.000.000 / 1.760.500 = 10.000 đồng/cổ phần.

Như vậy, giá cổ phần theo phương pháp tài sản là **10.000 đồng/cổ phần**.

14.2. Phương pháp chiết khấu dòng cổ tức (DDM)

$$\text{Giá cổ phần (P)} = \frac{\text{Giá trị thực tế phần vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phần dự kiến phát hành}}$$

Căn cứ:

- Giả định Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ ngày 01/01/2016.
- Số liệu kế hoạch lợi nhuận sau thuế từ năm 2016 đến năm 2020 của Công ty nêu tại phương án cổ phần hóa được sử dụng làm số liệu cơ sở để tính toán
- Việc phân phối lợi nhuận sau thuế của các năm trong tương lai được thống nhất theo giả định sử dụng để chia cổ tức là 50% và để bổ sung vốn là 30%

theo quy định tại Điều 20 Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính.

Giá trị thực tế phần vốn chủ sở hữu theo phương pháp chiết khấu dòng cổ tức được xác định theo công thức sau:

$$\text{Giá trị thực tế phần vốn chủ sở hữu} = \sum_{i=1\to n} \frac{D_i}{(1+K)^i} + \frac{P_n}{(1+K)^n} + \text{Chênh lệch về giá trị quyền sử dụng đất đã được giao, hoặc chênh lệch về tiền thuê đất của số năm thuê đất đã trả tiền còn lại ghi tăng Vốn chủ sở hữu}$$

Trong đó:

$\frac{D_i}{(1+K)^i}$: là Giá trị hiện tại của cổ tức năm thứ i

$\frac{P_n}{(1+K)^n}$: là Giá trị hiện tại của phần Vốn chủ sở hữu năm thứ n (xác định theo phương pháp chiết khấu dòng cổ tức của các năm trong tương lai từ sau năm thứ n về năm thứ n)

- i: thứ tự các năm kế tiếp kể từ năm 2016 đến năm 2020.
- D_i: Khoản lợi nhuận sau thuế dùng để chia cổ tức năm thứ i (từ năm 2016 đến năm 2020).
- n: Là số năm tương lai được lựa chọn, từ năm 2016 đến năm 2020.
- P_n: Giá trị phần Vốn chủ sở hữu năm thứ n (năm 2020) và được xác định theo công thức:

$$P_n = \frac{D_{n+1}}{K - g}$$

- D_{n+1}: Khoản lợi nhuận sau thuế dùng để chia cổ tức dự kiến của năm thứ n+1 (năm 2021)
- K: Tỷ lệ chiết khấu hay tỷ lệ hoàn vốn cần thiết của các nhà đầu tư khi mua cổ phần và được xác định theo công thức: $K = R_f + R_p$

Trong đó:

+ R_f: Tỷ suất lợi nhuận thu được từ các khoản đầu tư không rủi ro, chỉ tiêu này được tính bằng lãi suất trái phiếu Chính phủ có kỳ hạn 05 năm đã phát hành ở thời điểm gần nhất với thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.

  Áp dụng chỉ tiêu R_f là 6,19%/năm, bằng lãi suất trúng thầu trong đợt phát hành trái phiếu Chính phủ có kỳ hạn 05 năm do Kho bạc Nhà nước (Bộ Tài chính) phát hành ngày 31/12/2014 theo được công bố trên Website của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội *(http://hnx.vn/web/thi-truong-trai-phieu/thong-tin-giao-dich1#)*.

+ R_p: Tỷ lệ phụ phí rủi ro khi đầu tư mua cổ phần của các công ty ở Việt Nam, chỉ tiêu này được xác định theo bảng chỉ số phụ phí rủi ro chứng khoán quốc tế tại niên giám định giá hoặc do các công ty định giá xác định cho từng doanh nghiệp nhưng không vượt quá tỷ suất lợi nhuận thu được từ các khoản đầu tư không rủi ro (R_f).

  Theo số liệu phần bù rủi ro áp dụng cho Việt Nam tính đến tháng 01/2015, Total Equity Risk Premium là 10% > Rf. Vì vậy, áp dụng chỉ tiêu $R_p = R_f$ = 6,19%/năm.

  (http://pages.stern.nyu.edu/~%20adamodar/New_Home_Page/datafile/ctryprem.html).

+ Kết quả tính tỷ lệ chiết khấu: K = 6,19% + 6,19% = 12,38%.

○ g: Tỷ lệ tăng trưởng hàng năm của cổ tức và được xác định như sau:

$$g = b \times R$$

b: là tỷ lệ lợi nhuận sau thuế để lại bổ sung vốn, bằng 30%.

R: là tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân của các năm tương lai (từ năm 2016 đến năm 2020), bằng 8,69%.

+ Kết quả tính tỷ lệ tăng trưởng hàng năm của cổ tức: g = 30% x 8,69% = 2,61%.

Bảng 14: Giá trị cổ phần theo phương pháp chiết khấu dòng cổ tức

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2015F	2016F	2017F	2018F	2019F	2020F
Lợi nhuận trước thuế (LNTT)	**1.500**	**1.650**	**1.815**	**1.997**	**2.196**	**2.416**
Thuế TNDN	22%	20%	20%	20%	20%	20%
Lợi nhuận sau thuế (LNST)	**1.170**	**1.320**	**1.452**	**1.597**	**1.757**	**1.933**
Tốc độ tăng trưởng		*12,82%*	*10,00%*	*10,00%*	*10,00%*	*10,00%*
LNST dùng để chia cổ tức (50%)		660,00	726,00	798,60	878,46	966,31
LNST để lại bổ sung vốn (b=30%)		396,00	435,60	479,16	527,08	579,78
Vốn chủ sở hữu [(1)]	**17.605**	**17.605**	**18.001**	**18.436,6**	**18.915,76**	**19.442,84**
Tỷ suất LNST trên Vốn CSH	6,65%	7,50%	8,07%	8,66%	9,29%	9,94%
Tỷ suất LNST trên Vốn CSH bình quân (R)						8,69%
Tỷ lệ tăng trưởng hàng năm của cổ tức (g=b x R)	**2,61%**					
Lãi suất trái phiếu Chính phủ (Rf)	*6,19%*					
Tỷ lệ phụ phí rủi ro (Rp)	*6,19%*					
Tỷ lệ chiết khấu (K = Rf + Rp)	**12,38%**					
Giá trị phần vốn chủ sở hữu năm 2020 (thời điểm tăng trưởng cổ tức mãi mãi)						10.145,64
Hiện giá phần vốn chủ sở hữu năm 2020						5.036,69
Giá trị hiện tại của các dòng cổ tức từ năm 2016 - 2020		522,60	511,53	500,69	490,09	479,71
Tổng giá trị hiện tại của các dòng cổ tức và giá trị vốn chủ sở hữu trong tương lai	7.541,31					
Chênh lệch về giá trị quyền sử dụng đất đã được giao, chênh lệch về tiền thuê đất [(2)]	0					
Giá trị thực tế phần vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2014	7.541,31					
Số lượng cổ phần đang lưu hành	1.760.500					
Giá trị 01 cổ phần (đồng/cổ phần)	**4.284**					

Như vậy, giá cổ phần theo phương pháp chiết khấu dòng cổ tức là **4.284 đồng/cổ phần**.

14.3. Kết quả tính toán giá khởi điểm

Bảng 15: Kết quả tính toán giá cổ phần

Phương pháp	Đơn vị	Mức giá ước tính
Phương pháp tài sản	Đồng/cổ phần	10.000
Phương pháp chiết khấu dòng cổ tức	Đồng/cổ phần	4.284

Căn cứ kết quả tính toán giá cổ phần theo Phương pháp tài sản và Phương pháp chiết khấu dòng cổ tức, mức giá khởi điểm bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài của Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Đường sắt Quảng Bình ước tính là **10.000 đồng/cổ phần** ***(Bằng chữ: Mười nghìn đồng một cổ phần)***.

15. Phương án sử dụng lao động

Bảng 16: Phương án sử dụng lao động sau cổ phần hóa

TT	NỘI DUNG	TỔNG SỐ (người)	GHI CHÚ
I	**Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hoá**	696	
1	Lao động không thuộc diện ký hợp đồng lao động	6	
2	Lao động làm việc theo HĐLĐ	690	
	a) Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	690	
	b) Lao động làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng	0	
	c) Lao động làm việc theo mùa vụ hoặc một công việc nhất định dưới 03 tháng	0	
3	Lao động đang nghỉ việc nhưng có tên trong danh sách lao động Công ty	0	

TT	NỘI DUNG	TỔNG SỐ (người)	GHI CHÚ
II	**Số lao động sẽ nghỉ việc tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp**	87	
1	Số lao động đủ điều kiện hưu theo chế độ hiện hành	0	
2	Số lao động sẽ chấm dứt hợp đồng lao động, chia ra:	0	
	➢ *Hết hạn hợp đồng lao động*	0	
	➢ *Tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động*	0	
	➢ *Chấm dứt HĐLĐ với lý do khác theo quy định của pháp luật*	0	
3	Số lao động không bố trí được việc làm tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp	87	
	a) Số lao động thực hiện theo Nghị định số 63/2015/NĐ-CP	87	
	b) Số lao động phải chấm dứt HĐLĐ và trả trợ cấp mất việc làm	0	
III	**Số lao động sẽ chuyển sang làm việc tại Công ty cổ phần**	609	
1	Số lao động mà hợp đồng lao động còn thời hạn	609	
2	Số lao động nghỉ theo ba chế độ bảo hiểm xã hội, chia ra:	0	
	a) Ốm đau	0	
	b) Thai sản	0	
	c) Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp	0	
3	Số lao động đang tạm hoãn hợp đồng lao động	0	
	a) Nghĩa vụ quân sự	0	

TT	NỘI DUNG	TỔNG SỐ (người)	GHI CHÚ
	b) Nghĩa vụ công dân khác	0	
	c) Bị tạm giam, tạm giữ	0	
	d) Do hai bên thoả thuận (không quá 03 tháng)	0	

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Bình)

16. Chi phí giải quyết chính sách lao động dôi dư và nguồn chi trả

- **Chi phí giải quyết chính sách lao động dôi dư: 10.397.525.962 đồng** *(Mười tỷ ba trăm chín mươi bảy triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn chín trăm sáu mươi hai đồng).*

- **Nguồn chi trả:** Căn cứ Điều 8 Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/07/2015 của Chính phủ Quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu thì:

- Nguồn kinh phí thực hiện chính sách đối với người lao động dôi dư được tuyển dụng lần cuối cùng trước ngày 21/04/1998 và người đại diện phần vốn của Công ty: Nguồn kinh phí thực hiện chính sách đối với người lao động dôi dư từ tiền bán cổ phần lần đầu, bán doanh nghiệp; trường hợp không đủ thì được bổ sung từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.

- Nguồn kinh phí thực hiện chính sách đối với người lao động dôi dư được tuyển dụng lần cuối cùng kể từ ngày 21/04/1998 trở về sau và người đại diện phần vốn của Công ty được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh của Công ty.

17. Chi phí cổ phần hóa dự kiến

Ngày 06/03/2015, Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam đã có công văn số 494/ĐS-TCKT về việc phê duyệt dự toán chi phí cổ phần hóa, theo đó tổng Dự toán Chi phí cổ phần hóa của Công ty là: **500.000.000** đồng *(Năm trăm triệu đồng)*, cụ thể như sau:

Bảng 17: Chi phí cổ phần hóa dự kiến

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)
I	**Các khoản chi trực tiếp tại đơn vị**	**129.200.000**
1	Chi phí cho tập huấn nghiệp vụ cổ phần hóa	10.000.000
2	Chi phí kiểm kê, xác định giá trị tài sản	15.000.000
3	Chi phí Đại hội công nhân viên chức để triển khai cổ phần hóa	20.000.000
4	Chi phí hoạt động tuyên truyền, công bố thông tin	10.000.000
5	Chi phí lập phương án cổ phần hóa, xây dựng Điều lệ Công ty	50.000.000
6	Chi phí tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần đầu	15.000.000
7	Chi phí khác	9.200.000
II	**Chi phí thuê các tổ chức tư vấn**	**200.000.000**
1	Chi phí tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp	150.000.000
2	Bán đấu giá cổ phần	50.000.000
III	**Thù lao cho Ban chỉ đạo cổ phần hóa, Tổ giúp việc**	**170.800.000**
1	Thù lao cho từng thành viên Ban chỉ đạo cổ phần hóa	126.000.000
2	Thù lao cho từng thành viên Tổ giúp việc	44.800.000
	Tổng cộng	**500.000.000**

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Bình)

18. Kế hoạch hoàn vốn ngân sách nhà nước, kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa

Bảng 18: Kế hoạch hoàn vốn ngân sách Nhà nước và Kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa

STT	Nội dung	Cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỉ lệ
1	Vốn điều lệ Công ty cổ phần	1.760.500	17.605.000.000	100,0%
2	Vốn NN thực tế tại DN sau khi đánh giá lại		15.303.812.948	

STT	Nội dung	Cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỉ lệ
3	Giá trị mệnh giá cổ phần phát hành thêm		2.301.187.052	
4	Giá trị mệnh giá nhà nước nắm giữ	897.855	8.978.550.000	51,00%
5	Giá trị cổ phần ưu đãi người lao động đăng ký mua và thực được mua	774.600	7.746.000.000	
6	Giá trị cổ phần bán ưu đãi cho người lao động	774.600	7.746.000.000	44,00%
7	Giá trị cổ phần bán cho nhà đầu tư khác	88.045	880.450.000	5,00%
8	Giá trị Nhà nước bù cho người lao động mua cổ phần ưu đãi		3.098.400.000	
9	Dự toán chi phí cổ phần hóa		500.000.000	
10	Vốn Nhà nước thu về sau khi bù Chi phí ưu đãi và Chi phí Cổ phần hóa		2.726.862.948	
11	Số tiền giải quyết lao động dôi dư		10.397.525.962	
12	Giá trị thu về quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại Tổng công ty Đường sắt Việt Nam		(7.670.663.014)	

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Bình)

Ghi chú: Tổng số tiền hoàn vốn ngân sách được tính toán dựa trên giả định:

(i) Số lượng cổ phiếu mua ưu đãi theo thời gian làm việc thực tế tại khu vực nhà nước được tính theo số lượng cổ phần đăng ký mua thực tế của người lao động và số lượng cổ phần ưu đãi người lao động thực được mua; và

(ii) Giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá bán cổ phần của Công ty được tạm tính bằng giá khởi điểm là 10.000 đồng/cổ phần.

Số tiền thu được từ cổ phần hóa và tổng số tiền hoàn vốn ngân sách sẽ được tính toán lại căn cứ kết quả bán cổ phần thực tế theo đúng các quy định của pháp luật.

19. Phương án tổ chức và quản lý điều hành Công ty cổ phần

Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Bình hoạt động theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty do Đại hội đồng cổ đông thông qua, căn cứ theo các quy định của Luật

Doanh nghiệp, dưới sự quản trị, giám sát và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc.

Dự kiến bộ máy tổ chức của Công ty theo mô hình Công ty cổ phần như sau:

- **Đại hội đồng cổ đông:**

  Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một (01) lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

  Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- **Hội đồng quản trị:**

  Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

  Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc Công ty. Quyền hạn và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị được quy định cụ thể tại Điều lệ Công ty.

- **Ban Kiểm soát:**

  Ban kiểm soát có ba (03) thành viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban Kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.

➢ **Ban Giám đốc:** Gồm 01 Giám đốc và 03 Phó Giám đốc

+ Giám đốc Công ty: do Hội đồng quản trị Công ty bổ nhiệm. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá năm (05) năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

+ Các Phó Giám đốc do Hội đồng quản trị Công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng theo đề nghị của Giám đốc Công ty. Các Phó Giám đốc giúp Giám đốc Công ty trong việc điều hành Công ty theo phân công và uỷ quyền của Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Giám đốc, trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về nhiệm vụ được Giám đốc phân công và uỷ quyền. Các Phó Giám đốc được bổ nhiệm, ký hợp đồng với thời hạn năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm, ký hợp đồng lại.

➢ **Kế toán trưởng:**

Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị Công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng theo đề nghị của Giám đốc Công ty. Kế toán trưởng có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác tài chính kế toán của Công ty, giúp Giám đốc bảo toàn và phát triển vốn của Công ty; đề xuất các giải pháp và điều kiện tạo nguồn vốn cho nhu cầu sản xuất, kinh doanh, đầu tư phát triển Công ty; quản lý, kiểm tra, giám sát công tác tài chính kế toán của Công ty theo pháp luật về tài chính, kế toán; có các quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Kế toán trưởng chịu trách nhiệm trước Giám đốc, Hội đồng quản trị Công ty và pháp luật về nhiệm vụ được phân công và uỷ quyền. Tiêu chuẩn tuyển chọn Kế toán trưởng Công ty được thực hiện theo quy định của Luật Kế toán và các quy định của pháp luật. Kế toán trưởng được bổ nhiệm, ký hợp đồng với thời hạn năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm, ký hợp đồng lại.

➢ **Các phòng, ban chức năng:**

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

SƠ ĐỒ BỘ MÁY TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY SAU CỔ PHẦN HÓA

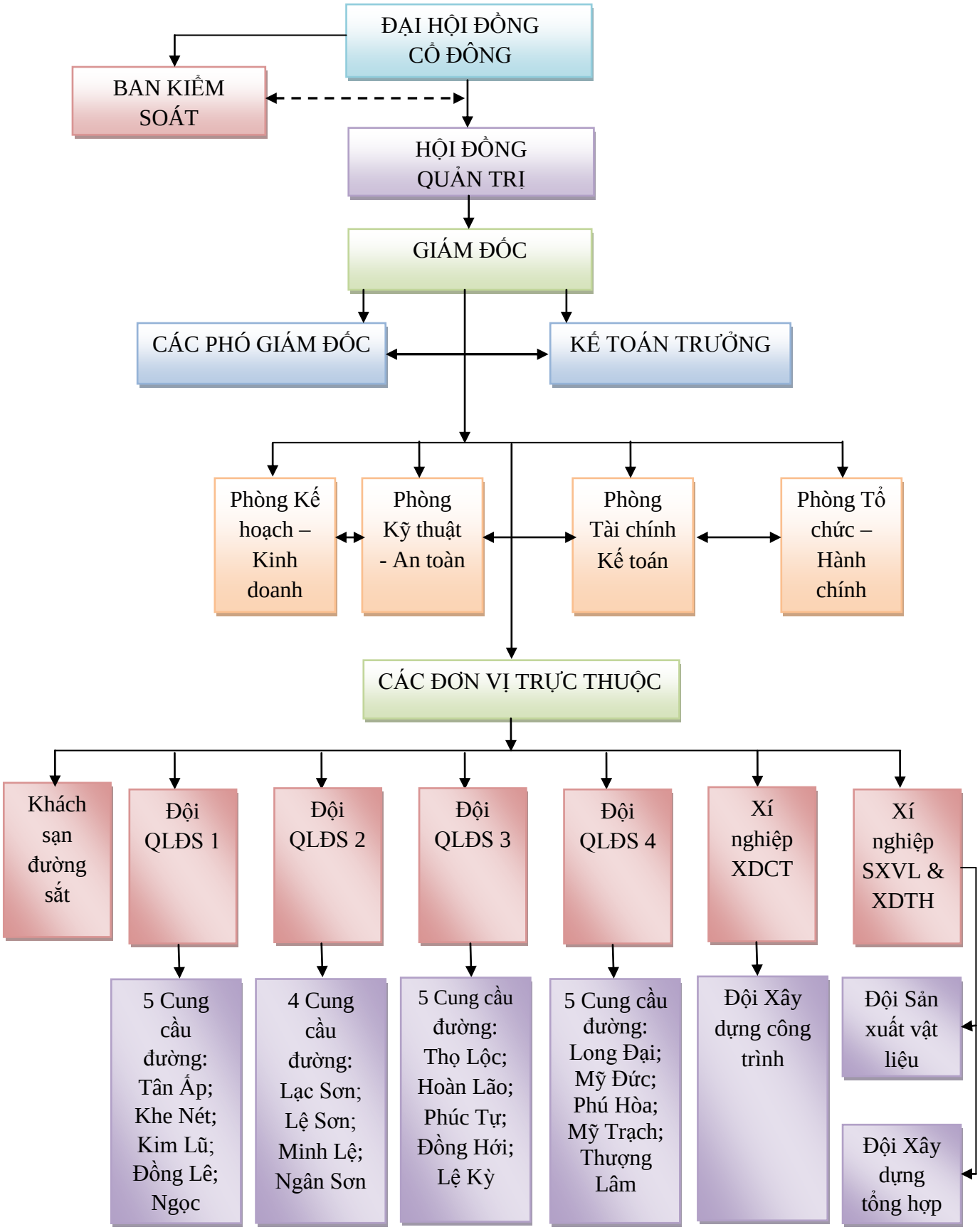

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Quản lý Đường Sắt Quảng Bình)

20. Phương án sử dụng đất

Ngày 26/06/2015, Tổng công ty Đường sắt Việt Nam đã có Quyết định số 860/QĐ-ĐS về việc chấp thuận Phương án Sử dụng đất và tài sản của Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Bình để thực hiện cổ phần hóa, theo đó Phương án sử dụng đất của Công ty dự kiến sau khi cổ phần hóa như được trình bày chi tiết tại Bảng 19 dưới đây.

Trên cơ sở Phương án sử dụng đất của Công ty sau khi cổ phần hóa đã được Tổng công ty Đường sắt Việt Nam phê duyệt, ngày 28/07/2015, Công ty cũng đã có tờ trình số 628A/TTr-DSQB gửi Ủy Ban nhân dân tỉnh Quảng Bình về Phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa. Hiện tại Phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa của Công ty đang trong quá trình xem xét của Ủy Ban nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Bảng 19: Phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa

STT	Địa chỉ lô đất	Tình trạng sở hữu	Hồ sơ pháp lý	Diện tích (m2)	Phương án sử dụng
1	377 Trần Hưng Đạo, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Thuê đất	Giấy CN QSD đất số 18/QĐ-UB ngày 09/01/2015 của UBND tỉnh Quảng Bình	13.550	Trụ sở công ty và các công trình kiến trúc phụ trợ
2	Đường Trương Pháp – Hải Thành, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Thuê đất. Thời hạn 30 năm	- Giấy CN QSD đất số 00003 - Quyết định số 280/QĐ-UB ngày 08/02/2015 của UBND tỉnh Quảng Bình	2.214	Khách sạn đường sắt

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Bình)

Trong đó:

- Với mảnh đất tại địa chỉ 377 Trần Hưng Đạo, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình: Hiện nay Công ty đang lập Hợp đồng thuê đơn vị tư vấn nhằm quy hoạch, tách diện tích theo mục đích sử dụng và làm việc với tỉnh Quảng Bình để chấp thuận phương án sử dụng đất theo 07 chức năng:
  + Đất khu điều hành: bao gồm nhà làm việc Công ty, nhà Hội trường
  + Đất khu kinh doanh: nhà khách Công ty, trạm xăng dầu Thuận Lý...
  + Đất khu thể thao, văn hóa: khu liên hiệp TTVH: nhà ăn, sân Tennis
  + Đất khu nhà kho: Kho chứa vật tư, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải
  + Đất khu sản xuất: nhà xưởng cơ khí
  + Đất khu bến bãi: bể ngâm tà vẹt bê tông, tập kết vật tư thu hồi...
  + Đất khu nhà công vụ: nhà làm việc của các đội QLĐS, nhà lưu trú của CBCNV.
- Với mảnh đất tại địa chỉ Đường Trương Pháp – Hải Thành, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình: Công ty sẽ tiến hành mở rộng mô hình kinh doanh dịch vụ du lịch, tiến tới đề nghị Tổng công ty Đường sắt Việt Nam tiếp tục bán phần vốn Nhà nước tại Công ty để kêu gọi, thu hút vốn đầu tư từ bên ngoài tái đầu tư, đẩy mạnh mô hình kinh doanh dịch vụ, mang lại hiệu quả kinh doanh dịch vụ và lợi tức cho cổ đông.

21. Định hướng phát triển Công ty, dự án đầu tư sau cổ phần hóa

21.1. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành

Với truyền thống và kinh nghiệm gần 35 năm trong lĩnh vực quản lý, thi công xây dựng sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt Quốc gia từ năm 1981 đến nay, Công ty TNHH Một thành viên Quản lý đường sắt Quảng Bình tự hào là một trong những doanh nghiệp có uy tín trong lĩnh vực quản lý, thi công xây lắp công trình xây dựng trong và ngoài ngành, sửa chữa kết cấu hạ tầng đường sắt đảm bảo chất lượng và an toàn chạy tàu; cứu chữa, khôi phục sự cố thiên tai, tai nạn chạy tàu một cách nhanh nhất. Công ty có một đội ngũ đầy kinh nghiệm sẵn sàng thực hiện mọi nhiệm vụ được giao góp phần xây dựng ngành Giao thông và đơn vị ngày càng phát triển, nâng cao chất lượng cuộc sống và phát triển bền vững của ngành đường sắt nói riêng, ngành Giao thông vận tải nói chung.

21.2. Triển vọng phát triển của ngành

Căn cứ Quy hoạch tổng thể phát triển ngành giao thông vận tải đường sắt đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030:

- Mục tiêu cụ thể:
  - ✓ Đến năm 2020: giao thông vận tải đường sắt cần chiếm tỷ trọng tối thiểu 13% về nhu cầu luân chuyển hành khách và 14% về luân chuyển hàng hoá trong tổng khối lượng vận tải của toàn ngành giao thông vận tải; trong đó vận tải hành khách đô thị bằng đường sắt đạt ít nhất là 20% nhu cầu vận tải hành khách công cộng tại Thủ đô Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh;
  - ✓ Giai đoạn đến năm 2030: đạt tỷ trọng 20% về nhu cầu luân chuyển hành khách, hàng hoá; đạt tỷ trọng 25% về nhu cầu vận chuyển hành khách công cộng tại các đô thị lớn.
- Quy hoạch phát triển:
  - ✓ Vận tải hành khách: tập trung phát triển dịch vụ vận tải đường dài với cự ly 300 - 500 km trên các hành lang giao thông chủ yếu, đặc biệt là hành lang Bắc - Nam, Đông - Tây và dịch vụ vận tải đường sắt đô thị, đường sắt nội - ngoại ô, đường sắt liên tỉnh trên cơ sở khai thác hệ thống đường sắt hiện có, đường sắt xây dựng mới ở các khu đoạn cự ly trung bình và khu vực có nhu cầu lớn;
  - ✓ Vận tải hàng hóa: thúc đẩy phát triển nhanh dịch vụ vận tải hàng nặng, khối lượng lớn từ các khu mỏ, cảng biển, cảng ICD, nhà máy, các khu kinh tế lớn... giảm bớt sức ép đối với đường bộ, hạn chế tai nạn trên giao thông; ứng dụng công nghệ vận tải hiện đại đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng;
  - ✓ Nâng cao năng lực cạnh tranh dịch vụ vận tải trên cơ sở thúc đẩy nhanh tiến trình cổ phần hóa các doanh nghiệp vận tải đường sắt nhà nước, xã hội hóa vận tải đường sắt nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, hạ giá thành vận tải, thu hút các thành phần kinh tế ngoài nhà nước tham gia phát triển vận tải đường sắt và dịch vụ hỗ trợ vận tải với việc thiết lập thị trường cạnh tranh, tăng cường quản lý nhà nước về vận tải đường sắt;
  - ✓ Mở rộng liên kết vận tải quốc tế, khu vực và các quốc gia có biên giới liền kề trên cơ sở mạng đường sắt hiện có và trong tương lai.

<u>Về kết cấu hạ tầng</u>:

- Mục tiêu cụ thể:

- ✓ Đến năm 2020: hoàn thành cải tạo, nâng cấp mạng đường sắt hiện có đạt tiêu chuẩn đường sắt quốc gia cấp I, hoàn thành kết nối đường sắt với các cảng biển quốc tế, nhà máy, khu kinh tế, khu mỏ và các trung tâm du lịch lớn…; phấn đấu hoàn thành xây dựng mới tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng và Đồng Đăng - Hà Nội; nhanh chóng phát triển giao thông vận tải bánh sắt tại các đô thị, trước mắt ưu tiên triển khai tại Thủ đô Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh; ưu tiên xây dựng trước một số đoạn tuyến đường sắt cao tốc Bắc - Nam; từng bước cải tạo mở rộng các khu đoạn đường sắt đơn hiện có thành đường đôi điện khí hoá và mở rộng các tuyến đường sắt đô thị đáp ứng nhu cầu vận tải nội - ngoại ô cũng như các vùng đô thị lớn;
- ✓ Đến năm 2030: hoàn thành mạng đường sắt đô thị tại Thủ đô Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và triển khai xây dựng tại một số thành phố lớn khác; cơ bản hoàn thành mạng đường sắt cao tốc Bắc - Nam; triển khai xây dựng mạng đường sắt Tây Nguyên, đường sắt nối các tỉnh ven biển đồng bằng Bắc Bộ và đường sắt đến các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long.

- Quy hoạch phát triển:
  - ✓ Đến năm 2020, hoàn thành xây dựng:
    - o Cải tạo, nâng cấp các tuyến hiện có.
    - o Một số đoạn tuyến đường sắt cao tốc Bắc - Nam, tuyến đường sắt Yên Viên - Phả Lại - Hạ Long - Cái Lân, Biên Hoà - Vũng Tàu, tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, tuyến đường sắt Đồng Đăng - Hà Nội, tuyến đường sắt phục vụ khai thác Bô xít (Đăk Nông - Bình Thuận), tuyến đường sắt Dĩ An - Lộc Ninh, tuyến đường sắt Vũng Áng - Mụ Giạ, khôi phục tuyến đường sắt Tháp Chàm - Đà Lạt, nghiên cứu xây dựng tuyến đường sắt Đông Hà - Lao Bảo; các tuyến đường sắt kết nối các cảng biển, các khu công nghiệp, kinh tế, hầm mỏ mới hình thành: cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng, cảng trung chuyển quốc tế Vân Phong, cảng Cái Mép - Thị Vải, mỏ sắt Thạch Khê, bô xít Tây Nguyên...; mạng đường sắt đầu mối: Hà Nội (vành đai phía Đông), thành phố Hồ Chí Minh (vành đai phía Tây), Hải Phòng, Đà Nẵng, Diêu Trì; hoàn thành xây dựng một số tuyến chính đường sắt đô thị, đường sắt liên vùng vùng Thủ đô Hà Nội và vùng thành phố Hồ Chí Minh.
  - ✓ Đến năm 2030, hoàn thành xây dựng:
    - o Mạng đường sắt Tây Nguyên bao gồm trục chính: Đà Nẵng - Kon Tum - Đắk Lắk - Buôn Ma Thuật - Chơn Thành - thành phố Hồ Chí Minh và các tuyến nhánh Buôn Ma Thuột - Tuy Hoà, Đắk Nông - Bình Thuận;

- Những đoạn tuyến còn lại trong mạng đường sắt cao tốc Bắc - Nam;
- Mạng đường sắt đô thị tại thủ đô Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh;
- Hành lang đường sắt ven biển Nam Định - Thái Bình - Hải Phòng - Quảng Ninh, Hạ Long - Móng Cái;
- Các tuyến Lạng Sơn - Quảng Ninh (Mũi Chùa), Nam Định - Thịnh Long, Mỹ Lý - Tân Kỳ...

Về công nghiệp đường sắt:

- Mục tiêu cụ thể:
  - ✓ Đến năm 2020: phấn đấu tự chế tạo trong nước các phương tiện, vật tư, thiết bị, phụ tùng đường sắt đáp ứng về cơ bản nhu cầu bảo trì, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp mạng đường sắt hiện có;
  - ✓ Đến năm 2030: từng bước đáp ứng nhu cầu về phương tiện, vật tư, thiết bị, phụ tùng đường sắt cho các dự án xây dựng các tuyến đường sắt đô thị, đường sắt mới; hình thành ngành công nghiệp đường sắt hiện đại.
- Quy hoạch phát triển đến năm 2020:
  - ✓ Đầu máy: định hướng phát triển từ công nghiệp lắp ráp tiến tới chế tạo đầu máy diesel cho các tuyến cũ với công suất từ 2.000 - 2.500 CV và sức kéo điện cho các tuyến mới điện khí hóa với công suất 5.000 KW trở lên; đồng thời phát triển mạng các đoàn tầu tự hành (EMU) để vận tải hành khách nội, ngoại ô; phấn đấu đạt được 1.100 đến 1.200 đầu máy.
  - ✓ Toa xe: tập trung phát triển công nghiệp đóng mới toa xe cung cấp cho tiêu dùng trong nước hướng tới xuất khẩu sang các nước trong khu vực; đạt được 50.000 đến 53.000 toa xe các loại;
  - ✓ Phụ tùng, vật tư đường sắt (ray, tà vẹt, phụ kiện, ghi, hệ thống cung cấp điện sức kéo, thông tin, tín hiệu...): sản xuất trong nước đáp ứng nhu cầu bảo trì các tuyến đường sắt hiện có và tiến tới xuất khẩu.

Do vậy, triển vọng phát triển của ngành đường sắt là rất lớn, là cơ hội cho các công ty trong ngành đường sắt nói chung và Công ty TNHH MTV Quản lý Đường Sắt Quảng Bình nói riêng phát triển.

21.3. Định hướng phát triển của Công ty

- Xây dựng Công ty cổ phần phát triển vững mạnh trong các lĩnh vực: Xây dựng, sửa chữa các công trình giao thông đường sắt, đường bộ, dân dụng, công nghiệp ....

- Giữ vững ổn định và phát triển từ năm 2016 đến năm 2020 mức tăng trưởng bình quân từ 7% đến 10%.
  + Giá trị sản lượng năm 2016 đạt mức: 134,9 tỷ đồng.
  + Giá trị sản lượng năm 2017 đạt mức: 143,3 tỷ đồng.
  + Giá trị sản lượng năm 2018 đạt mức: 154,8 tỷ đồng.
  + Giá trị sản lượng năm 2019 đạt mức: 167,2 tỷ đồng.
  + Giá trị sản lượng năm 2020 đạt mức: 178,9 tỷ đồng.
- Thu nhập bình quân tăng 10%/năm.
- Tỷ lệ chia cổ tức: xấp xỉ 8% trong 03 năm đầu, từ năm thứ 04 trở đi trên 8%.
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/vốn điều lệ: trên 8%.

21.4. Dự án đầu tư sau cổ phần hóa

Trong vòng 03 năm sau cổ phần hóa, Công ty dự định sẽ đầu tư xây dựng mở rộng quy mô Khách sạn Đường sắt. Việc sửa chữa mở rộng quy mô Khách sạn Đường sắt là cần thiết để phục vụ tốt hơn nhu cầu của khách hàng, từ đó thu hút thêm khách đến với Khách sạn, tăng doanh thu cho Công ty.

21.5. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

Là đơn vị chuyên hoạt động trong lĩnh vực quản lý, thi công xây lắp công trình xây dựng đường sắt, đồng thời nhận thức sâu sắc về vai trò và trách nhiệm của mình, với các định hướng phát triển sau cổ phần hóa nêu trên, Công ty đã, đang và sẽ luôn nỗ lực để có thể tổ chức tốt hoạt động kinh doanh, đáp ứng kịp thời và đầy đủ nhu cầu của các khách hàng, khai thác hiệu quả các tài sản hiện có của doanh nghiệp và gia tăng đóng góp cho Ngân sách Nhà nước. Định hướng phát triển của Công ty là phù hợp với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới.

22. Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh 05 năm sau cổ phần hóa

22.1. Đánh giá thế mạnh, khó khăn, cơ hội và thách thức ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty sau khi chuyển sang mô hình Công ty cổ phần:

➢ Thế mạnh của Công ty tại thời điểm cổ phần hóa (S):

- Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Bình luôn nhận được sự hỗ trợ, chỉ đạo sâu sát, tận tình của thường vụ Đảng ủy, Ban lãnh đạo và các ban tham mưu của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam nên đây cũng là điều kiện thuận lợi cho Công ty trong việc tổ chức thực hiện thành công quá trình cổ phần hoá.

- Công tác quản lý điều hành của Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Bình trong những năm qua đã đi vào nề nếp. Công ty đã tạo được lòng tin đối với Tổng công ty Đường sắt Việt Nam và các đối tác khác qua việc thực hiện kế hoạch quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt hàng năm, việc thi công các công trình đạt chất lượng và tiến độ. Mặt khác, với những kết quả mà tập thể CBCNV đã cố gắng phấn đấu đạt được trong những năm trước, làm tiền đề, uy tín thương hiệu của Công ty ở trong, ngoài ngành được giữ vững và nâng cao, tạo đà phát triển cho Công ty trong những năm tiếp theo.

- Đất nước đang trong quá trình phát triển, hội nhập kinh tế khu vực và thế giới, bên cạnh đó Nhà nước đã có Chiến lược phát triển giao thông vận tải đường sắt đến năm 2020, tầm nhìn đến 2050. Đó chính là những yếu tố thuận lợi tạo ra rất nhiều cơ hội phát triển cho ngành đường sắt nói chung và cho Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Bình nói riêng.

- Toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty từ Ban lãnh đạo đến CBCNV đều thể hiện quyết tâm cao trong việc cổ phần hoá Công ty.

➢ Khó khăn của Công ty tại thời điểm cổ phần hóa (W):

- Trình độ công nghệ còn lạc hậu.

- Vận tải đường sắt đang giảm mạnh.

➢ Cơ hội đối với Công ty khi chuyển sang mô hình Công ty cổ phần (O):

- Định hướng của Chính phủ về đầu tư mở rộng mạng lưới đường sắt ở Quảng Bình nói riêng và tuyến đường sắt Bắc – Nam nói chung đang mở ra những cơ hội phát triển lớn không chỉ về vận chuyển hành khách và hàng hóa mà còn những hoạt động xây dựng cơ bản, xây lắp đi kèm.

- Theo quyết định số 1436/QĐ-TTg ngày 10/9/2009, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt kế hoạch phát triển đường sắt Việt Nam đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030 với những nội dung chủ yếu: Phát triển Tổng công ty Đường sắt Việt Nam trở thành tập đoàn kinh tế mạnh trong nước và khu vực, đa sở hữu, đa kinh doanh, trong đó vận tải đường sắt, quản lý khai thác kết cấu hạ

tầng đường sắt giữ vai trò chủ lực, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước, từng bước nâng cao tỷ trọng luân chuyển hàng hóa và hành khách.

- Nội bộ ngành đường sắt triển khai đẩy mạnh công tác tái cơ cấu, sắp xếp lại tổ chức hoạt động nhất là các đơn vị quản lý đường sắt có tác động ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất kinh doanh của Công ty.

➢ Những thách thức với Công ty khi chuyển sang mô hình Công ty cổ phần (T):

- Kinh tế thế giới và kinh tế Việt Nam còn nhiều biến động ảnh hưởng không nhỏ đến việc triển khai các dự án và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Giá cả các loại nhiên liệu trên thị trường phụ thuộc nhiều vào sự biến động của giá cả trên thế giới, một số mặt hàng làm gia tăng chi phí xây dựng, dẫn đến giá thành sản phẩm tăng tương ứng và hệ quả tất yếu làm giảm lợi nhuận hoạt động của Công ty trong năm.
- Một số dự án do việc thay đổi thiết kế dẫn đến khối lượng bổ sung phát sinh lớn, gây lãng phí do thiết bị nhân lực phải chờ đợi.
- Các thủ tục hành chính còn chưa được đơn giản hóa dẫn đến các dự án đầu tư của Công ty thường triển khai chậm so với dự kiến, làm tăng vốn đầu tư do trượt giá và lãng phí do đưa công trình vào sử dụng chậm hơn so với tiến độ.
- Thêm vào đó, việc gia tăng số lượng các doanh nghiệp xây dựng cơ bản đã tạo ra sự cạnh tranh ngày càng quyết liệt trên thị trường. Yêu cầu của khách hàng về chất lượng, kỹ thuật, mỹ thuật, tiến độ công trình ngày càng cao.
- Trước đây là doanh nghiệp công ích nên không phải trả tiền thuê đất, nay chuyển sang mô hình cổ phần sẽ phải thuê đất, thuê trụ sở làm việc của các cung, đội, hỗ trợ nhà ở cho một số đơn vị khó khăn, đèo dốc, khó thu hút lao động (Hầm Lạc Sơn, Đường Khe Nét, Tân Ấp, Thượng Lâm, Lệ Sơn, Lạc Sơn).
- Khấu hao TSCĐ được định giá lại làm tăng chi phí SXKD trong 3-5 năm đầu (Theo khoản 7 điều 9 Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ).
- Phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa làm tăng chi phí SXKD (Theo Thông tư 138/2012/TT-BTC ngày 20/8/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh đối với Công ty cổ phần được chuyển đổi từ công tư nhà nước.

22.2. Phương án cơ cấu lại doanh nghiệp khi chuyển sang Công ty cổ phần:

- **Về tổ chức biên chế, sắp xếp lại các bộ phận trong doanh nghiệp:**

  ✓ Sau khi chuyển thành Công ty cổ phần, cơ cấu bộ máy của Công ty sẽ được sắp xếp, tổ chức theo hướng tinh, giản và hiệu quả, tập trung các nguồn lực, chỉ đạo sản xuất kinh doanh thống nhất và xuyên suốt.

- **Về ngành nghề kinh doanh:**

  Ngành nghề kinh doanh của Công ty cổ phần được tập trung vào các lĩnh vực sau:

  ✓ Quản lý, duy tu, sửa chữa theo từng cấp kỹ thuật hệ thống cầu đường, đảm bảo an toàn chạy tàu thông suốt trong mọi tình huống;

  ✓ Xây dựng, sửa chữa các công trình xây dựng dân dụng, giao thông, thủy lợi;

  ✓ Sản xuất vật liệu xây dựng, kết cấu bê tông cốt thép và kết cấu thép chuyên ngành. Sản xuất, sửa chữa các loại phụ kiện, máy móc thiết bị thi công công trình;

  ✓ Sản xuất bảo hộ lao động và công cụ, dụng cụ phục vụ cho sản xuất;

  ✓ Kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, cho thuê văn phòng, cửa hàng kho bãi và kinh doanh dịch vụ khác;

  ✓ Kinh doanh bất động sản;

  ✓ Kinh doanh vật liệu xây dựng;

  ✓ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;

  ✓ Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn và tai nạn giao thông đường sắt; Thiết kế, giám sát thi công công trình giao thông đường sắt;

  ✓ Định giá xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

  ✓ Giám sát thi công công trình;

  ✓ Xây dựng, lắp đặt thiết bị các công trình về giao thông đường sắt, đường bộ dân dụng, công nghiệp;

  ✓ Sản xuất và kinh doanh thiết bị, phụ kiện, kết cấu thép và bê tông chuyên ngành giao thông đường sắt, trang bị dụng cụ lao động;

  ✓ Tổ chức bán đấu giá tài sản;

  ✓ Hợp tác liên doanh, liên kết các tổ chức trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật để thực hiện các mục đích kinh doanh tìm kiếm lợi nhuận.

22.3. Dự kiến kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 05 năm sau cổ phần hóa (2016 – 2020)

Bảng 20: Một số chỉ tiêu kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 05 năm sau cổ phần hóa (2016 – 2020)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2016	2017	2018	2019	2020
1	**Kế hoạch đầu tư XDCB**	**Triệu đồng**	**Không có**	**Không có**	**Không có**	**Không có**	**Không có**
2	**Vốn điều lệ**	**Triệu đồng**	**17.605**	**17.605**	**17.605**	**17.605**	**17.605**
3	**Tổng Doanh thu**	**Triệu đồng**	**122.700**	**130.350**	**140.784**	**152.047**	**164.211**
+	DT hoạt động kinh doanh cơ bản	Triệu đồng	122.700	130.350	140.784	152.047	164.211
+	DT hoạt động Tài chính + Khác	Triệu đồng	0	0	0	0	0
4	**Tổng Chi phí**	**Triệu đồng**	**121.050**	**128.535**	**138.787**	**149.851**	**161.795**
	Trong đó:						
+	Chi phí Nguyên vật liệu (23,6%)	Triệu đồng	28.568	30.334	32.754	35.365	38.184
+	Chi phí nhân công (36%)	Triệu đồng	43.578	46.273	49.963	53.946	58.246
+	Chi phí khấu hao (10%)	Triệu đồng	12.105	12.854	13.879	14.985	16.180
+	Chi phí mua ngoài (23,6%)	Triệu đồng	28.568	30.334	32.754	35.365	38.184
+	Chi phí bằng tiền + Lãi vay (6,8%)	Triệu đồng	8.231	8.740	9.438	10.190	11.002
5	**Lợi nhuận**						
+	**Lợi nhuận trước thuế**	**Triệu đồng**	**1.650**	**1.815**	**1.997**	**2.196**	**2.416**
	Tỷ suất LN trước thuế /Vốn điều lệ	%	9,37	10,31	11,34	12,47	13,72

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2016	2017	2018	2019	2020
	Tỷ suất LN trước thuế / Tổng DT	%	1,34	1,39	1,42	1,44	1,47
+	**Lợi nhuận sau thuế**	**Triệu đồng**	**1.320**	**1.452**	**1.598**	**1.757**	**1.933**
	Tỷ suất LN sau thuế /Vốn điều lệ	%	7,50	8,25	9,08	9,98	10,98
	Tỷ suất LN sau thuế / Tổng DT	%	1,08	1,11	1,14	1,16	1,18
+	Lãi cơ bản/cổ phiếu	đồng	750	825	908	998	1098
6	Lợi nhuận chia cổ tức	Triệu đồng	1.408,4	1.408,4	1.408,4	Từ 1.408,4 trở lên	Từ 1.408,4 trở lên
7	**Tỷ lệ chi cổ tức**	**%**	**8%**	**8%**	**8%**	**8% trở lên**	**8% trở lên**
8	Số lao động	người	609	609	609	609	609
9	Bình quân thu nhập/người/tháng	Triệu đồng	6,06	6,67	7,33	8,07	8,87
10	Tổng quỹ lương	Triệu đồng	44.172	46.926	50.682	54.737	59.116

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Bình)

Ghi chú: Các chỉ tiêu kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2016 -2020 của Công ty được xây dựng căn cứ theo các chỉ tiêu chủ yếu của Nghị quyết Đại hội đảng bộ Công ty TNHH MTV quản lý đường sắt Quảng Bình lần thứ XIII nhiệm kỳ 2015-2020

22.4. Các giải pháp để thực hiện kế hoạch:

- Giải pháp về tổ chức biên chế, lao động:
  - ✓ Sắp xếp lại cơ cấu tổ chức bộ máy và định biên lao động hợp lý, phù hợp với tình hình sản xuất của Công ty.
- Giải pháp về thị trường:
  - ✓ Tập trung tìm kiếm các công trình có nguồn vốn đầu tư rõ ràng.
  - ✓ Xác định công tác quản lý, sửa chữa kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia là nhiệm vụ chính.
  - ✓ Nâng cao năng lực đấu thầu và năng lực cho cán bộ làm công tác đấu thầu.
  - ✓ Tiếp tục củng cố và giữ vững các thị trường, địa bàn đã có và mở rộng, nâng cao tầm mối quan hệ tìm kiếm đối tác.
  - ✓ Tăng cường hợp tác bằng các hình thức liên danh liên kết với các công ty bạn, xây dựng mối quan hệ tốt với các đối tác tránh rủi ro trong tìm kiếm việc làm.
- Về năng lực sản xuất kinh doanh:
  - ✓ Công ty đã có nhiều năm kinh nghiệm trong việc thực hiện các dự án quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia do Nhà nước đặt hàng, đây là tiền đề cho sự phát triển đi lên trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Để đạt được kế hoạch sản xuất kinh doanh theo các chỉ tiêu kế hoạch đề ra từ năm 2015 đến 2020, Công ty đã có kế hoạch tiếp tục thực hiện và phấn đấu hoàn thiện 100% dự án quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia năm 2015, tạo uy tín để tiếp tục nhận được dự án cho các năm sau, tiếp túc mở rộng và nâng cao mối quan hệ với các đối tác trong và ngoài ngành, tăng cường tìm kiếm các dự án mới phù hợp với năng lực và ngành nghề kinh doanh được phép để mở rộng sản xuất, tăng lợi nhuận hàng năm.
- Giải pháp về công tác đầu tư phát triển:
  - ✓ Hiện tại Công ty chủ yếu thực hiện các đơn đặt hàng của Tổng công ty và Nhà nước về bảo trì đường sắt, do đó việc đầu tư phát triển là rất ít. Sau cổ phần hóa, Công ty chưa có kế hoạch phát triển, mở rộng ngành nghề kinh doanh, vì vậy Công ty chưa có ý định đầu tư phát triển trong tương lai gần.
- Giải pháp về vốn:

- ✓ Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty trên các lĩnh vực hoạt động, với số vốn điều lệ 17,605 tỷ đồng có thể sẽ không đảm bảo đủ nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh vì vậy Công ty dự kiến sẽ sử dụng vốn một cách tiết kiệm, quay vòng nhanh, thu hồi công nợ triệt để và sử dụng các nguồn vốn khác cụ thể như sau:
  - + Chỉ thi công các công trình có nguồn vốn rõ ràng;
  - + Tập trung đẩy nhanh tiến độ để nghiệm thu, thanh toán;
  - + Vay vốn của các Ngân hàng với mức lãi suất phù hợp;
  - + Bố trí cơ cấu vốn hợp lý, nhằm tận dụng tối đa số vốn hiện có;
  - + Đầu tư vốn có trọng điểm, dùng các biện pháp nghiệp vụ để tăng nhanh vòng quay của đồng vốn;
  - + Tăng cường công tác thu hồi các khoản tiền vốn đang bị chiếm dụng để giảm bớt các nguồn vốn vay. Đảm bảo thu hồi nhanh nhất các khoản nợ, nhất là các khoản nợ dây dưa kéo dài.

23. Cổ phần hóa doanh nghiệp gắn với đăng ký giao dịch và niêm yết trên thị trường chứng khoán

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp, Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Bình phải hoàn tất thủ tục đăng ký công ty đại chúng, đăng ký cổ phiếu để lưu ký tập trung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của công ty đại chúng chưa niêm yết (hệ thống giao dịch Upcom) theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Trường hợp Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Bình đáp ứng đầy đủ các điều kiện niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán, sau khi thực hiện các thủ tục để đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường Upcom, trong thời hạn tối đa 01 năm kể từ ngày được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp, Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Bình phải bổ sung hồ sơ để hoàn tất thủ tục niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Bình là phù hợp với chủ trương chung của Đảng và Nhà nước và cần thiết để huy động vốn, mở rộng quy mô hoạt động và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Vì vậy kính đề nghị Tổng công ty Đường sắt Việt Nam và Bộ Giao thông Vận tải xem xét và phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Bình để Công ty có thể tiếp tục triển khai thực hiện các bước tiếp theo theo lộ trình và kế hoạch cổ phần hóa như quy định.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN ĐƯỢC DUYỆT

Bảng 21: Lịch trình triển khai hoàn tất công tác cổ phần hóa

TT	Nội dung công việc	Thời gian (ngày làm việc)
1	Thời điểm nhận Quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa	T
2	Tổ chức bán đấu giá công khai cổ phần cho các nhà đầu tư bên ngoài	T+30
3	Tổ chức bán cổ phần ưu đãi cho người lao động	T+30 – T+35
4	Báo cáo kết quả bán cổ phần với Ban chỉ đạo cổ phần hoá	T+40
5	Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần thông qua Điều lệ, bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch HĐQT và bổ nhiệm Giám đốc Công ty cổ phần	T+70
6	Công ty cổ phần thực hiện các thủ tục đăng ký doanh nghiệp lần đầu và xin cấp dấu mới, tiến hành in Sổ chứng nhận sở hữu cổ phần	T+80
7	Bàn giao danh sách lao động, tài sản, vốn, sổ sách cho HĐQT	T+82
8	Tổ chức ra mắt Công ty Cổ phần, đăng báo theo quy định	T+87
9	Thực hiện quyết toán phần vốn Nhà nước tại thời điểm được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	T+90

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Bình)

VI. CÁC PHỤ LỤC KÈM THEO

1. PHỤ LỤC VỀ LAO ĐỘNG
2. PHỤ LỤC CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ
3. PHỤ LỤC VỀ ĐẤT ĐAI
4. DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN

Quảng Bình, ngày 15 tháng 9 năm 2015

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT QUẢNG BÌNH
CHỦ TỊCH KIÊM GIÁM ĐỐC CÔNG TY

M.S.D.N: 3100213455 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT QUẢNG BÌNH
TP. ĐỒNG HỚI - T. QUẢNG BÌNH

Đỗ Bá Tâm